ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3112 /TTr-UBND	*Cao Bằng, ngày 28 tháng 11 năm 2022*

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phân bổ ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (lần 2)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc phân bổ ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1014/QĐ-BTC ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán bổ sung có mục tiêu kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm 2022 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững;

Căn cứ Quyết định số 1065/QĐ-BTC ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán bổ sung có mục tiêu kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm 2022 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 15 ngày 7 tháng 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phân bổ ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Ủy nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phân bổ ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (lần 2), với các nội dung như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Ngày 28 tháng 5 năm 2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 653/QĐ-TTg về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia. Theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Quyết định này, các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương là cơ quan chủ quản chương trình mục tiêu quốc gia phải thực hiện phân bổ và giao dự toán thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia cho các đơn vị, các cấp sử dụng ngân sách trực thuộc trước ngày 01 tháng 7 năm 2022 đảm bảo đúng quy định Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

Căn cứ quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 3948/BKHĐT-TCTT ngày 14/6/2022 về việc thực hiện một số quy định của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, trên cơ sở tổng mức vốn được Trung ương phân bổ và đề xuất của các sở, ngành, địa phương, UBND tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 về việc phân bổ ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Trong quá trình triển khai thực hiện, khi các huyện, thành phố, đơn vị tiến hành khảo sát, lập, thẩm định và phê duyệt dự án thì một số nội dung của các dự án cần phải điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với nhu cầu thực tế, như: bổ sung danh mục, thay đổi tên dự án, điều chỉnh quy mô đầu tư, tổng mức đầu tư, nguồn vốn, thời gian thực hiện dự án, cơ chế thực hiện…; một số dự án sau khi rà soát chưa phù hợp với tiêu chí tại Quyết định số 90/QĐ-TTg nên cần phải thay đổi bổ sung dự án để thực hiện.

Vì những lý do trên, việc xây dựng Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ vốn ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (lần 2) để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua là cần thiết.

II. NỘI DUNG CHÍNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Điều chỉnh, bổ sung Phụ lục 1 kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND: Tổng hợp phân bổ vốn ngân sách nhà nước Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022.

2. Điều chỉnh, bổ sung nội dung dự án tại phụ lục 5 kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND: Danh mục dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 là 52 dự án, trong đó:

a) Điều chỉnh tổng hợp nội dung: 9 dự án.

b) Điều chỉnh tên dự án: 1 dự án.

c) Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022: 10 dự án.

d) Các dự án không thực hiện: 16 dự án.

đ) Dự án bổ sung mới 16 dự án.

3. Điều chỉnh, bổ sung nội dung dự án tại phụ lục 6 kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND: Danh mục dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là 206 dự án, trong đó:

a) Điều chỉnh tổng hợp nội dung: 82 dự án.

b) Điều chỉnh tổng mức đầu tư, cơ cấu vốn đầu tư: 13 dự án.

c) Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022: 26 dự án.

d) Điều chỉnh quy mô thực hiện dự án: 8 dự án.

đ) Các dự án không thực hiện: 72 dự án.

e) Điều chỉnh cơ chế thực hiện: 1 dự án.

g) Dự án bổ sung mới 4 dự án.

4. Các nội dung khác không điều chỉnh, bổ sung thực hiện theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 và Nghị quyết số 72/NQ-HĐND, ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

(Gửi kèm theo Tờ trình gồm: (1) Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh Cao Bằng về việc phân bổ ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (lần 2) và các phụ lục kèm theo; (2) Báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư giải trình, tiếp thu ý kiến của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố đối với dự thảo Nghị quyết).

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy *(b/c)*;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS HĐND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, TC, NN&PTNT, LĐTBXH;
- Ban Dân tộc;
- VPUB: LĐVP, CV: TH, KT, VX;
- Lưu: VT, TH (TR).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Hoàng Xuân Ánh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3199 /BC-UBND	*Cao Bằng, ngày 05 tháng 12 năm 2022*

BÁO CÁO

Điều chỉnh Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phân bổ ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (lần 2)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng đã có Tờ trình số 3112/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2022 dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phân bổ ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (lần 2), gửi Hội đồng nhân dân tỉnh.

Tuy nhiên, theo đề xuất của các huyện, một số dự án không thực hiện được do chưa có hướng dẫn của Trung ương, cần phải điều chuyển vốn cho dự án khác; một số dự án cần điều chỉnh tên dự án, cụ thể như sau:

Năm 2022, huyện Hòa An và huyện Quảng Hòa được bố trí vốn đầu tư để thực hiện hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát thuộc Dự án 1 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, mỗi huyện 11.000 triệu đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, Trung ương chưa có hướng dẫn thực hiện nội dung này nên cần điều chỉnh vốn từ dự án 1 cho danh mục dự án thuộc Dự án 4 để thực hiện.

Mặt khác, một số dự án cần điều chỉnh lại tên cho chính xác (gồm: Dự án bố trí sắp xếp dân cư thôn Nặm Dạng, Pò Làng, xã Quang Trọng, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng; Nhà văn hóa xóm Riền Thượng, xã Hưng Đạo, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng).

Vì những lý do trên, UBND tỉnh đề nghị điều chỉnh nội dung dự thảo Nghị quyết và phụ lục 1, phụ lục 2 kèm theo dự thảo Nghị quyết. Các nội dung khác không điều chỉnh giữ nguyên như Tờ trình số 3112/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng Báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

(Gửi kèm theo Báo cáo gồm: Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh Cao Bằng về việc phân bổ ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (lần 2) và các phụ lục đã hoàn thiện kèm theo)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy *(b/c)*;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS HĐND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, TC, NN&PTNT, LĐTBXH;
- Ban Dân tộc;
- VPUB: LĐVP, CV: TH, KT, VX;
- Lưu: VT, TH (TR).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trung Thảo

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /NQ-HĐND	*Cao Bằng, ngày tháng 11 năm 2022*

(Dự thảo lần 2)

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phân bổ ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (lần 2)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc phân bổ ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 15 ngày 7 tháng 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phân bổ ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Nghị quyết số 72/NQ-HĐND,ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 15 ngày 7 tháng 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về

việc phân bổ ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phân bổ ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng(lần 2); báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phân bổ ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 29/NQ-HĐND) với một số nội dung như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung biểu Phụ lục 1 kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND: Tổng hợp phân bổ vốn NSNN Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 *(chi tiết tại phụ lục 1 kèm theo)*

2. Điều chỉnh, bổ sung nội dung dự án tại phụ lục 5 kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND: Danh mục dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 là 106 dự án, trong đó:

a) Điều chỉnh tổng hợp nội dung: 11 dự án.

b) Điều chỉnh tên dự án: 3 dự án.

c) Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022: 55 dự án.

d) Các dự án không thực hiện: 22 dự án.

đ) Dự án bổ sung mới 15 dự án.

(Chi tiết tại phụ lục 2 kèm theo)

3. Điều chỉnh, bổ sung nội dung dự án tại phụ lục 6 kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND: Danh mục dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là 206 dự án, trong đó:

a) Điều chỉnh tổng hợp nội dung: 82 dự án.

b) Điều chỉnh tổng mức đầu tư, cơ cấu vốn đầu tư: 13 dự án.

c) Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022: 26 dự án.

d) Điều chỉnh quy mô thực hiện dự án: 8 dự án.

đ) Các dự án không thực hiện: 72 dự án.

e) Điều chỉnh cơ chế thực hiện: 1 dự án.

g) Dự án bổ sung mới 4 dự án.

(chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo)

4. Các nội dung khác không điều chỉnh, bổ sung thực hiện theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng và Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Căn cứ Nghị quyết này, quyết định giao và điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia cho các cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện phân bổ và điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; khẩn trương hoàn thành thủ tục đầu tư, tổ chức triển khai thực hiện các dự án bảo đảm đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ủy Ban Dân tộc;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Triệu Đình Lê

Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH PHỤ LỤC I NGHỊ QUYẾT SỐ 29/NQ-HĐND ĐIỀU TỔNG HỢP GIAO VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND, ngày tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG	Vốn đầu tư																		Vốn sự nghiệp										Ghi chú
		Theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND, ngày 15/7/2022									Điều chỉnh, bổ sung									Tại Nghị quyết số 29/NQ-HĐND, ngày 15/7/2022						Điều chỉnh, bổ sung						
		Cộng vốn đầu tư (tr.đồng)	Dự án 1	Dự án 2	Dự án 3	Dự án 4	Dự án 5	Dự án 6	Dự án 9	Dự án 10	Cộng vốn đầu tư (tr.đồng)	Dự án 1	Dự án 2	Dự án 3	Dự án 4	Dự án 5	Dự án 6	Dự án 9	Dự án 10	Dự án 4	Dự án 5	Dự án 6	Dự án 7	Dự án 9	Dự án 10	Dự án 4	Dự án 5	Dự án 6	Dự án 7	Dự án 9	Dự án 10	
1	Sở Thông tin và Truyền thông	4.770	-		-	-	-	-		4.770	-	-		-	-	-	-		-											
2	Ban QLDA Đầu tư và XD tỉnh	6.760	-		-	-	6.760	-		-	11.530			-	-	11.530	-		-												
3	Bảo Lâm				-	33.016				553				-	33.569				-												
4	Bảo Lạc		4.120		-	37.964			8.925	640		3.000		-	38.604			10.045	-												
5	Nguyên Bình		6.440	-	500	39.769				681		3.000	-	-	44.391				-	1.910	3.660		214	3.135		4.781	3.807		67	264		
6	Hà Quảng		6.958		-	44.687				690		6.000		-	46.334																
7	Hòa An		14.068	800	-	31.772				471		3.068	800	-	43.193				-												
8	Trùng Khánh			-	-		3.200			646			-	-		3.846			-												
9	Hạ Lang			-	-								-	-						1.452		320	162	3.830	287	4.119		392	-	145	215	
10	Quảng Hòa		18.193	800	-	45.445				603		7.786	-	-	57.241				-	1.907	3.660	320	208	4.431	381	6.193	3.868	401	-	145	300	
11	Thạch An		4.233		-	32.190				512		3.000		-	33.939				-												

PHỤ LỤC 2

ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG PHỤ LỤC 4 KÈM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 29/NQ-HĐND CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND, ngày tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND, ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh										Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung											Ghi chú
	Danh mục dự án	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư		Đối ứng NSĐP		Huy động khác và nhân dân	Kế hoạch NSTW năm 2022	Cơ chế thực hiện	Tên dự án	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư đề nghị duyệt			Đối ứng NSĐP			Kế hoạch NSTW năm 2022	Cơ chế thực hiện	
				Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NS huyện							Số Quyết định (ngày, tháng, năm)	Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NS huyện	Huy động khác và nhân dân			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
I	**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TỈNH**																					
1	Trường PTDT Nội trú huyện Nguyên Bình	Xây mới nhà lớp học bộ môn, nhà bảo vệ, cải tạo nhà nội trú	2022-2024	6.900	6.900				350					649/QĐ-SXD ngày 30/8/2022						2.750		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022 từ Sở Thông tin và Truyền thông chuyển sang
2	Trường PTDT Nội trú THCS Phục Hòa, huyện Quảng Hòa	Xây mới nhà lớp học bộ môn; cải tạo 02 lớp học	2022-2024	7.500	7.500				410					650/QĐ-SXD ngày 30/8/2022						2.780		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022 từ Sở thông tin và Truyền thông chuyển sang
II	**SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**																					
1	Tiểu Dự án 2: ứng dụng CNTT hỗ trợ phát triển KT-XH và bảo đảm ANTT vùng đồng bào DTTS và MN			26.528	26.528				4.770											0		Không thực hiện do chưa có hướng dẫn. Điều chỉnh giảm chỉ tiêu giao năm 2022 chuyển sang Hạn GI DA đầu tư về XD tỉnh
III	**HUYỆN NGUYÊN BÌNH**																					
1	*Dự án 1: Cấp nước sinh hoạt, đất ở, nhà ở, sản xuất*																					
1	Đất ở								200											0		Chưa đầu tư do chưa có hướng dẫn
2	Đất sản xuất								3.240											0		Không đầu tư do chưa có hướng dẫn
II	*Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*																					
3											Đường liên kết vùng xóm Tân Tiến, xã Minh Tâm kết nối với đường ngã ba Cô Tướng, xã Minh Tâm, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng	Đường bê tông xi măng dài 0,4 km	2022-2024	100/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.100	1.100				380	Cơ chế đặc thù	Bổ sung danh mục đầu tư chuyển từ CT MTQG ONBV (Điều chỉnh từ nguồn Dải 6.200 triệu đồng; Đất sản xuất 3.240 triệu đồng; Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã
4											Mương thuỷ lợi Phia Nọi, xã Thể Dục, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng	Kiên cố hóa tuyến mương dài 400m	2022-2024	112c/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	700	700				340	Cơ chế đặc thù	
5											Nước sinh hoạt tập trung 03 xóm Ngòi Rềng - Minh Khai - Bình An, xã Triệu Nguyên, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng	Đầu tư xây mới nước sinh hoạt tập trung 2,5 km	2022-2024	188/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	3.300	2.300				700	Cơ chế đặc thù	
6											Nước sinh hoạt tập trung xóm Tà Cáp, xã Yên Lạc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng	Đầu tư xây dựng nước sinh hoạt tập trung dài 3 km	2022-2024	160/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	1.000	1.000				260	Cơ chế đặc thù	
7											Mương thuỷ lợi Bản Chang, xã Thành Công, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng	Xây kiên cố mương dài khoảng 2km	2022-2024	191/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	3.000	3.000				1.600	Cơ chế đặc thù	
8											Mương thủy lợi xóm Nộc Sau, Cà Thành, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao	Kiên cố hoá kênh mương dài khoảng 2 km	2022-2024	132/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	2.000	2.000				841	Cơ chế đặc thù	
9	Mương thủy lợi xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng: Nhánh 1 - Mương thủy lợi Cốc Sâu - Nì Dè, xóm Nà An; Nhánh 2 - Mương thủy lợi Tổng Viềng xóm Nà An; nhánh 3- Mương thủy lợi Phai Khắt - Thẩm Cấu.	Xây mới 3 mương thủy lợi; chiều dài mỗi tuyến khoảng 1,5 km	2022-2023	3.000	3.000				400	Không theo cơ chế đặc thù	Mương thủy lợi xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng (xóm Nà An; xóm Phai Khắt - Thẩm Cấu)			3389/QĐ-UBND ngày 26/8/2022								Điều chỉnh tên dự án do tên quá dài không nhớ được nội dung đầu tư và điều chỉnh quy mô đầu tư cho chính xác
III	*Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình*																					
1	Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã								681											0		Không đầu tư do chưa có Hướng dẫn thực hiện
IV	**HUYỆN THẠCH AN**																					
1.	*Dự án 1: Cấp nước sinh hoạt, đất ở, nhà ở, đất sản xuất*																					
b	Đất ở	10		400	400				400											0		Không đầu tư do chưa có Hướng
c	Đất sản xuất	37		833	833				833											0		Không đầu tư do chưa có Hướng
II	*Dự án 3: Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư*																					
1	Dự án hỗ trợ sắp xếp dân cư thôn Nậm Dạng, Pù Làng xã Quang Trọng, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	44 hộ dân	2021-2023		30.886	29.000		1.886	7.000		Dự án hỗ trợ ổn định dân cư thôn Nậm Dạng, Pù Làng xã Quang Trọng, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng			1932/QĐ-UBND, ngày 21/10/2022								Để lồng ghép dự án phù hợp với thực tế phê duyệt

STT	Theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND, ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh										Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung											
	Danh mục dự án	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư					Kế hoạch NSTW năm 2022	Cơ chế thực hiện	Tên dự án	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Theo mức đầu tư được duyệt						Kế hoạch NSTW năm 2022	Cơ chế thực hiện	Ghi chú
				Tổng số	NSTW	Đối ứng NSĐP		Huy động khác và nhân dân						Số Quyết định (ngày, tháng, năm)	Tổng số	NSTW	Đối ứng NSĐP		Huy động khác và nhân dân			
						NS tỉnh	NS huyện										NS tỉnh	NS huyện				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
III	*Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*																					
											Công trình giao thông đường Khau Pi - Pá Mười, xã Thụy Hùng	2,3km	2022-2023		3.200	3.200				250	Cơ chế đặc thù	Bổ sung danh mục đầu tư chuyển từ CT MTQG GNBV (Điều chỉnh từ nguồn Dất ở 400 triệu đồng, Đất sản xuất 233 triệu đồng, Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã 512 triệu đồng)
											Công trình giao thông đường Sộc Sao, xã Lê Lai	1,2km	2022-2023		2.100	2.100				150	Cơ chế đặc thù	
											Công trình giao thông đường Khuất Kèn - Mây Lạp, xã Thái Cường	2km	2022-2023		3.000	3.000				220	Cơ chế đặc thù	
											Công trình giao thông đường Phiêng Chung, xã Vân Trình	2km	2022-2023		2.900	2.900				200	Cơ chế đặc thù	
											Công trình giao thông đường Khuất Tan - Bản Đán, xã Kim Đồng	2km	2022-2023		2.900	2.900				220	Cơ chế đặc thù	
											Công trình giao thông đường Pác Slềng - Nà Mu- Nà Cinn, xã Canh Tân	2km	2022-2023		2.600	2.600				150	Cơ chế đặc thù	
											Công trình thủy lợi mương Vầng Sli- Tục Ngã, xã Đức Xuân	3km	2022-2023		2.300	2.300				130	Cơ chế đặc thù	
											Công trình thủy lợi mương Phai Cà xóm Chang Khuyên, thị trấn Đông Khê	1,2km	2022-2023		1.100	1.100				205	Cơ chế đặc thù	
											Công trình thủy lợi mương Kéo Bây Nà Pán, xã Quang Trọng	3km	2022-2023		3.000	3.000				300	Cơ chế đặc thù	
VI	*Dự án 10: Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã*																					
1	Đầu tư hệ thống kết nối thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã , huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng			2.841	2.841				512											0		
V	**HUYỆN HÀ QUẢNG**																					
I	*Dự án 1: Cấp nước sinh hoạt, đất ở, nhà ở, đất sản xuất*																					
1	Hỗ trợ đất ở (Hộ)	35		1.400	1.400				440											0		Không đầu tư do chưa có hướng dẫn
2	Hỗ trợ đất sản xuất (hộ)	91		2.048	2.048				518											0		Không đầu tư do chưa có hướng dẫn
II	*Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*																					
1	Đường GTNT liên xã Nà Tăm xã Lương Thông - Nà Ngần, xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Công trình giao thông cấp IV, 3,56899km	2022-2024	6.730	5.854	566	300		3.200				Số: 3616/QĐ-UBND, ngày 28/8/2022							4.158		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022 là 958 triệu đồng
VI	**HUYỆN QUẢNG HÒA**																					
I	*Dự án 1: Cấp nước sinh hoạt, đất ở, đất sản xuất*																					
	Dự án khởi công mới năm 2022																					
1	Cấp nước Bình hoạt Nà Luông, xã Hạnh Phúc, Huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng	95 hộ hưởng lợi	2022-2023	800	800				500			110 hộ hưởng lợi			1.328	1.328				700		Điều chỉnh quy mô, tổng mức đầu tư, chỉ tiêu giao năm 2022
2	Công trình cấp nước liên xóm Đồng Khoèn 1+2, xóm Nà Lăng, xã Độc Lập, Huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng	96 hộ hưởng lợi	2022-2024	800	800				500			94 hộ hưởng lợi			1.069	1.069				700		Điều chỉnh quy mô, tổng mức đầu tư, chỉ tiêu giao năm 2022
3	Cấp nước sinh hoạt tập trung xóm Hưng Yên, xã Chí Thảo, Huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng	99 hộ hưởng lợi	2022-2023	800	800				600			24 hộ hưởng lợi			850	850				700		Điều chỉnh quy mô, tổng mức đầu tư, chỉ tiêu giao năm 2022
4	Cấp nước sinh hoạt tập xóm Lũng Sập, xã Quốc Toản, Huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng	40 hộ hưởng lợi	2022-2023	1.500	1.500				1.200			45 hộ hưởng lợi			1.417	1.417				1.000		Điều chỉnh quy mô, tổng mức đầu tư, chỉ tiêu giao năm 2022
5	Cấp nước sinh hoạt xóm Kim Đồng (xóm Lũng Rẻ, Lũng Thèn cũ), xã Cai Bộ, Huyện Quảng hoà, tỉnh Cao Bằng	275 hộ hưởng lợi	2022-2023	1.348	1.348				982			18 hộ hưởng lợi			783	783				633		Điều chỉnh quy mô, tổng mức đầu tư, chỉ tiêu giao năm 2022
6	Cấp nước sinh hoạt tập trung xóm Lũng Pán xóm Đề Vỹ, TT Quảng Uyên, Huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng	95 hộ hưởng lợi	2022-2023	800	800				500			25 hộ hưởng lợi			601	601				550		Điều chỉnh quy mô, tổng mức đầu tư, chỉ tiêu giao năm 2022
7	Cấp nước sinh hoạt xóm Nguồm Biềng, xóm Trí Phương 2, xã Phi Hải, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	140 hộ hưởng lợi	2022-2023	1.300	1.300				1.000											1.200		Điều chỉnh chỉ tiêu giao năm 2022
8	Cấp nước sinh hoạt tập trung xóm Bản Danh - Lũng Táo, xã Quốc Toản, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	60 hộ hưởng lợi	2022-2023	1.500	1.500				1.000											1.403		Điều chỉnh chỉ tiêu giao năm 2022
9	Xây nhà tạm, đột xuất	2022-2024		500 hộ	11.100	11.10				11.000												Không thực hiện do chưa có hướng dẫn
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết				34.939	34.939				800												

STT	Theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND, ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh										Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung											Ghi chú
	Danh mục dự án	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư		Đối ứng NSĐP		Huy động khác và nhân dân	Kế hoạch NSTW năm 2022	Cơ chế thực hiện	Tên dự án	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư được duyệt			Đối ứng NSĐP		Huy động khác và nhân dân	Kế hoạch NSTW năm 2022	Cơ chế thực hiện	
				Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NS huyện							Số Quyết định (ngày, tháng, năm)	Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NS huyện				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	Dự án chuẩn bị đầu tư			24.939	24.939				800													
I	Dự án Ổn định dân cư biên giới Nà Đài-Lũng Liềng huyện xóm Biên Hòa, xã Đại Sơn, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	2022-2025		24.939	24.939				800											0		Không thực hiện do chưa có quy hoạch
II	**Dự án 4: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ SX, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị SN công lập của lĩnh vực dân tộc**																					
	Tự cân đối công mới năm 2022			62.766	62.766				21.677													
1	Chợ đầu mối nông sản, dịch vụ Phúc Sen, xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa	2023-2025		4.000	4.000				2.000					1817/QĐ-UBND ngày 31/8/2021						2.100		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
2	Trạm y tế xã xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa	2023-2025		4.600	4.600				1.320					1815/QĐ-UBND ngày 26/8/2021						2.000		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
3	Cải tạo, sửa chữa đường GT xã xã Tự Do (Đoạn Phúc Sen - Tự Do), huyện Quảng Hòa	2023-2024		14.800	14.800				5.000					1954/QĐ-UBND ngày 31/8/2022						6.577		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
4	Cải tạo, sửa chữa đường GTNT Trung Thành đến UBND xã Tiên Thành, huyện Quảng Hòa	2022-2024		14.400	14.400				5.000					1973/QĐ-UBND ngày 31/8/2022						7.500		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
5	Đường GTNT Hạnh Phúc - Tiên Thành, huyện Quảng Hòa	2022-2024		13.500	13.500				3.600					1909/QĐ-UBND ngày 31/8/2022						7.000		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
6	Trường TH và THCS Quốc Toản, xã Quốc Toản, huyện Quảng Hòa	2022-2023		3.000	3.000				1.000					1958/QĐ-UBND ngày 31/8/2022						1.800		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
7	Đường GTNT Trường TH Phúc Sen - Khuổi Sâm, xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa	2022-2023		3.200	3.200				1.182					1943/QĐ-UBND ngày 31/8/2022						1.800		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
8	Đường GTNT xóm Xuân Yên A (Bản Lin - Nà Ngần) xã Cai Bộ, huyện Quảng Hòa	2022-2023		3.000	3.000				1.177					1858/QĐ-UBND ngày 31/8/2022						1.800		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
9	Đường Nội đồng Cà Coóc - Keng Chuông, xóm Nà Lòm Diễn, xã Tự Do, huyện Quảng Hòa	2022-2023		2.300	2.300				1.288					1839/QĐ-UBND ngày 30/8/2022						1.500		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
10	Đường GTNT Khuổi Khieng - Lăng Khôn, xã Bế Văn Đàn, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	2022-2023		1.000	1.000				664					1961/QĐ-UBND ngày 31/8/2022						1.000		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
11	Đường GTNT Tha Nàng - Khuổi Rung, xã Bế Văn Đàn, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	2022-2024		1.000	1.000				500					1962/QĐ-UBND ngày 31/8/2022						894		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
II	*Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*																					
	Dự án khởi công mới năm 2022																					
1	Thiết lập mới Đài truyền thanh Ứng dụng CNTT-VT xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	2022		385	385				385											0		Không đầu tư do chưa có hướng dẫn thực hiện
2	Thiết lập mới Đài truyền thanh Ứng dụng CNTT-VT xã Quảng Hưng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	2022		70	70				70											0		Không đầu tư do chưa có hướng dẫn thực hiện
3	Thiết lập mới Đài truyền thanh Ứng dụng CNTT-VT xã Quốc Toản, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	2022		148	148				148											0		Không đầu tư do chưa có hướng dẫn thực hiện
VII	**HUYỆN HÒA AN**																					
I.	*Dự án 1: Các nhiệm vụ hỗ trợ, đầu tư, nhà ở, đất sản xuất*																					
1	Hỗ trợ nhà ở	275 hộ hưởng lợi	2022	12.100	11.000	1.100			11.000											0		Không đầu tư do chưa có hướng dẫn thực hiện
II	**Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc**																					
1	**Xã Bình Dương**																					
1	Cầu Cốc Xinh xóm Nà Vường xã Bình Dương, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Cầu bản BTCT Lo = 6m, khổ cầu 3,5m Đường đầu cầu L = 42,46m	2022-2023	500	250									QĐ số 3474 ngày 29/8/2022						48		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022 là 336 triệu đồng
2	Cầu Lải Cá xóm Nà Hoen xã Bình Dương, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Cầu bản BTCT Lo = 3m, khổ cầu 3,5m Đường đầu cầu L = 142,964m	2022-2023	500	250									QĐ số 3475 ngày 29/8/2022						48		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022 là 255 triệu đồng
2	**Xã Nguyễn Huệ**			1.771	1.771	-	-	-	1.352													
2.1	**Cầu Bê tông Thang Kỳ - Thua Bó, xã Nguyễn Huệ**, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Dài L=8m; rộng 3,0m. Đường 2 đầu cầu L= 61,33m	2022-2023	739	739				520					QĐ số 3476 ngày 29/8/2022						739		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
2.2	Bê tông mặt đường Cốc Chu - Cốc Phát , xã Nguyễn Huệ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Dài 300,56m; Nền rộng 4m Mặt rộng 3m	2022-2023	532	532				332					QĐ số 3477 ngày 29/8/2022						532		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
2.3	Bê tông mặt đường xóm Thua Bó, xã Nguyễn Huệ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Dài 219,26m. Nền rộng 4m Mặt rộng 3m	2022-2023	500	500				500					QĐ số 3478 ngày 29/8/2022						500		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
3	**Xã Quang Trung**			3.930	3.930	-	-	-	1.700													
3.1	Bê tông mặt đường xóm Khuổi Lùn- Xóm Lũng Cải, (xã Ngọc Đồng, Quảng Hòa) huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Dài 556 m, R 2,5 m, dày 16 cm	2022-2023	688,815	688,815				650					QĐ số 595 ngày 30/8/2022						689		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022

STT	Danh mục dự án	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND, ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh						Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung										
				Dự kiến tổng mức đầu tư				Kế hoạch NSTW năm 2022	Giải ngân thực hiện	Tên dự án	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư được điều chỉnh						Kế hoạch NSTW năm 2022	Giải ngân thực hiện	Ghi chú
				Tổng số	NSTW	Đối ứng NSĐP							Số Quyết định (ngày, tháng, năm)	Tổng số	NSTW	Đối ứng NSĐP		Huy động khác và nhân dân			
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện									Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện				
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	E	F	G	H	7	8	9	10	11	12	I
3.2	Đường GTNT Khuổi Khoang - Khau Sông xã Quang Trung, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	D 938,39; Nền đường rộng 4,0m, bề rộng mặt đường rộng 3,0m, dày 18cm	2021-2023	3.240	3.240			1.050					QĐ số 1439 ngày 29/8/2022						1.740		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
4	Xã Nam Tuấn			1.358	1.358	-	-	-	164												
4.1	Đường GTNT Khau Lâm - Nà Ban Pác Khuổng, xã Nam Tuấn, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	D 347,46; Nền đường rộng 4,0m; mặt đường bê tông rộng 3,0m, dày 16cm	2022-2023	1.358	1.358			164					QĐ số 3480 ngày 29/8/2022						1.356		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
4.2	Kiên cố hóa mương nội đồng Lăng Bun, Văn Thụ, xã Nam Tuấn huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Chiều dài 499 m, dạng mương cổ bê tông đá 1x2 Mác 200, thành mương xây gạch chỉ dày 22 cm, cao 70 cm	2022-2023	214	214			164					QĐ số 138 ngày 29/8/2022						214		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
5	Xã Hồng Việt			1.781	1.781	-	-	-	1.781												
5.1	Bê tông mặt đường Lũng Chang, xóm Bình Lương, xã Hồng Việt, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Dài 630,21m; nền đường đường rộng 4,0m; bê tông mặt đường rộng 3,0m, dày 14cm	2022-2023	781	781			781					QĐ Số 3481 ngày 29/8/2022						781		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
5.2	Đường Sóc Pua - Mương Quang, Nà Siểu, Pác Lăng xóm Lam Sơn Hẹ, xã Hồng Việt, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Chiều dài 1.436 m. Nền đường rộng 4 m. Mặt đường rộng 3m	2021-2023	1.000	1.000			500					QĐ Số 3482 ngày 29/8/2022						1.000		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
6	Xã Trương Lương			1.892	1.892	-	-	-	1.692												
6.1	Đường GTNT Lăng Luông - Lăng Oong, xã Trương Lương, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Dài L = 646 m, Bề rộng nền đường Bn = 3 m, cấp đoạn 3 km	2022-2023	1.324	1.324			1.124					QĐ Số 183 ngày 30/8/2022						1.324		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
6.2	Mương Nà rèn - Nà Pài xóm Nà Chang, xã Trương Lương, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Dài 837 m, cấp đoạn 1 mương bê tông dài 637 m, đoạn 2 dài 200 m, mương tiết diện BXH 50 x 50 cm dày rộng 50 cm	2021-2023	568	568			568					QĐ Số 148 ngày 30/8/2022						568		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
7	Xã Đức Long			1.429	1.380	-	-	63	317												
7.1	Bê tông mặt đường GTNT Nà Tảo - Nà Bản Đức Long, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Chiều dài L=464m rộng 2,5m, dày 15 cm, bê tông mác 200#	2021-2023	380	380			63	190				QĐ Số 147 ngày 30/8/2022						380		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
7.2	Đường GTNT từ Nà Niễn - Nà Gọn - Lũ Khu (xã Đức Long) - Đức Bình xã Hồng Việt) huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Dài 401,96 m; Nền đường rộng 4,0m; Bê tông mặt đường rộng 3,0m, dày 16cm	2022-2023	1.400	1.400			377					QĐ số 3483 ngày 29/8/2022						1.400		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
8	Xã Lê Chung			2.333	2.333	-	-	-	1.320												
8.2	Đường GTNT Pác Khuổi - Pác Hảo, xã Lê Chung, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Dài 1.337,68 m; Bề rộng nền đường 4,0m; BTMĐ rộng 3,0m, dày 16 cm	2022-2023	1.833	1.833			934					QĐ Số 3493 Ngày 30/8/2022						1.833		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
8.3	Mương thủy lợi xóm Pác Khuổi, xã Lê Chung, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng	Chiều dài 460m, cấp đoạn 1 dài 129 m, đoạn 2 dài 71 m, đoạn 3 dài 260 m rộng 40 x 40, dày rộng 40 cm	2022-2023	490	490			386					QĐ Số 185 Ngày 30/8/2022						490		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
9	Xã Dân Chủ			1.690	1.690	-	-	-	1.390												
9.1	Đường GTNT Phiêu Cải - Ma Pán, xã Dân Chủ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Dài 490 Km. Nền rộng 4m. Mặt rộng 3m. Bê tông dày 16cm	2022-2023	592	592			491					QĐ Số 3494 ngày 30/8/2022						592		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
9.2	Đường GTNT Pác Bó - Nà Sảng - Khe Bốc xã Dân Chủ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Dài 626,31m. Nền rộng 4m. Mặt rộng 3m. Dày 16 cm.	2022-2023	591	591			491					QĐ Số 3495 ngày 30/8/2022						591		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
9.3	Mương thủy lợi Nà Riềng, xóm Bản Hoà xã Dân Chủ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Phục vụ tưới tiêu 60ha/ 40 hộ hưởng lợi 40 hộ	2022-2023	507	507			407					QĐ Số 3496 ngày 30/8/2022						507		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
10	Xã Hồng Nam			1.171	1.171	-	-	-	1.171												
10.1	Bê tông mặt đường Phiêng Pin Bó Pia xóm Bông Bằng, xã Hồng Nam, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Dài 411,9 m; nền rộng 4 m; mặt rộng 3m, dày 16 cm	2022-2023	501,9	501,9			70					QĐ Số 3497 ngày 30/8/2022						501		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
10.2	Bê tông mặt đường GTNT xóm Khuổi Linh (Ải Lea), xã Hồng Nam, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Dài 1.152,86m; bề rộng nền đường 4,0m, BTMĐ rộng 3,0 m, dày 16 cm	2022-2023	1.671	1.671			670					QĐ Số 3498 ngày 30/8/2022						1.671		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
11	Xã Ngũ Lão			1.507	1.507	-	-	-	1.008												
11.1	Bê tông mặt đường GTNT xóm Nà Tủ - Bản Giá, xã Ngũ Lão, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Dài 1.292,94 m; nền rộng 4,5m, mặt rộng 3,5m dày 16 cm	2022-2023	1.125	1.125			600					QĐ số 3499 ngày 30/8/2022						1.125		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
11.2	Cầu bê tông Nà Mòn, xóm Nà Tủ, xã Ngũ Lão, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Dài L = 4m, Khổ cầu k = 4m	2022-2023	382	382			408					Số 3500 ngày 30/8/2022						382		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
12	Thị trấn Nước Hai			775	775	-	-	-	118												
12.1	Bê tông mặt đường xóm Nà Triều, thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng (giai đoạn 1)	Dài L= 5,5m; Nền rộng 3,5 m mặt 3,0 m	2022-2023	775	775			118					Số 3501 Ngày 30/8/2022						775		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
13	Xã Đại Tiểu			1.610	1.610	-	-	-	1.407												
13.1	Bê tông mặt đường GTNT Lũng Rì - Lũng Nhèn xã Đại Tiểu, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Dài 1.115,5m, mặt rộng 3m, nền rộng 4m, dày 16 cm	2022-2023	509	509			407					QĐ số 3502 ngày 30/8/2022						509		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022

STT	Danh mục dự án	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NS huyện	Huy động khác và nhân dân	Kế hoạch NSTW năm 2022	Cơ chế thực hiện	Tên dự án	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Số Quyết định (ngày, tháng, năm)	Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NS huyện	Huy động khác và nhân dân	Kế hoạch NSTW năm 2023	Cơ chế thực hiện	Ghi chú
	Theo Nghị quyết số [illegible]/NQ-HĐND, ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh			Dự kiến tổng mức đầu tư		Đối ứng NSĐP					Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung			Tổng mức đầu tư được duyệt			Đối ứng NSĐP					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
13.2	Mở mới đường GTNT xóm Lũng Tiến, xã Đại Tiến, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Dài 322,35m, nền rộng [illegible] m; mặt rộng 3m; dày 16cm	2022-2023	640	640				590					QĐ số 3514 ngày 31/8/2022						640		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
13.3	Cầu bê tông xóm [illegible], xã Đại Tiến, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Dài L= 5m, khổ cầu [illegible]	2022-2023	520	520				470					QĐ số 3504 ngày 31/8/2022						520		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
14	Xã Bạch Đằng			[illegible]	[illegible]	-	-	[illegible]	[illegible]													
14.1	Bê tông mặt đường GT liên xóm Tài Hồ Sìn - Bản Bằng, xã Bạch Đằng, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Chiều dài 7[illegible],6 m; bề rộng nền đường 4 m; bề rộng mặt đường [illegible] m	2022-2023	352	325			27	325					QĐ số [illegible] ngày 31/8/2022						325		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
14.2	Bê tông đường giao thông liên xóm Bó Thác [illegible], xã Bạch Đằng, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Dài 1.938,[illegible]m, rộng 3m, dày 16cm, 34 [illegible]	2022-2023	3.223	3.223				323					QĐ [illegible] ngày 31/8/2022						1.433		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
14.3	Mương thủy lợi Tài Hồ Sìn, xã Bạch Đằng, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Chiều dài 845,3 m mặt cắt BxH = (40 x 40) cm, đáy bê tông dày 12 cm, thành xây gạch chỉ	2022-2023	471	450			21	350					QĐ [illegible] ngày 31/8/2022						450		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
a2	Cấp huyện			27.[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	-	7.[illegible]													
II	Đầu tư CSHT theo đơn vị hành chính cấp huyện			25.[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	-	[illegible]													
II.1	[illegible]																					
II.2	[illegible]																					
II.3	Giao thông			27.[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	-	7.[illegible]													
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Hồng Việt - Dân Tiến - Dình Dương, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Dài 9.192,27m, chiều rộng nền đường 5m, mặt đường bê tông rộng [illegible], dày 18 cm	2022-2024	14.850	13.108	1.542	200		6.000					QĐ số 3311 ngày 31/8/2022						6.200		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
-	Đường liên xã Ngũ Lão - Đại Tiến (Đức Xuân cũ), huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Bê tông mặt đường 3,5 m dày 18 cm, [illegible]	2022-2024	3.830	3.830				1.300					QĐ số 3313 ngày 31/8/2022						1.800		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
-	Đường liên xã từ xóm Pác Cam (xã Hồng Việt) - xóm Nà Niền (xã Đức Long), huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng		2022-2024	7.000	7.000				200					200						-		Điều chỉnh giảm chỉ tiêu giao năm 2022
II	*Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình*																					
	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển KT-XH và đảm bảo an ninh vùng đồng bào dân tộc thiểu số			471	471				471											0		Điều chỉnh giảm vốn giao năm 2022 xuống 0 đồng
VIII	HUYỆN BẢO LẠC																					
I	*Dự án 1: Cấp nước sinh hoạt, đất ở, đất sản xuất*																					
1	Hỗ trợ đất ở				40															0		Điều chỉnh giảm vốn giao năm 2022 xuống 0 đồng sang DA[illegible]
2	Hỗ trợ đất sản xuất				1.080															0		Điều chỉnh giảm vốn giao năm 2022 xuống 0 đồng sang DA[illegible]
II	*Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*																					
1	Đường giao thông Phiêng Tác - Nà Nhàn, xã Kim Cúc, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	Giao thông loại C, dài [illegible] km, rộng 3,5 m, dày 15 [illegible]	2022-2024	3.[illegible]	3.[illegible]				[illegible]	Không theo cơ chế đặc thù		Đường GTNT cấp C, chiều dài L =1820m		Số 2750/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	4.000	4.000				[illegible]		Điều chỉnh quy mô, tổng mức
2	Đường giao thông Thông [illegible] - Phia Tích, xóm Kha Bảo, xã Khánh Xuân, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	Giao thông loại C; dài 2,2 km (rộng 3,5m, dày 15 cm)	2022-2023	2.731	2.731				200			Đường GTNT cấp C, chiều dài L = 1509,[illegible]m		Số 2589/QĐ-UBND ngày 27/8/2022	3.[illegible]	3.[illegible]				[illegible]		Điều chỉnh quy mô, tổng mức
3	Công trình Nước sinh hoạt Khuổi Cải, xóm Khau Bó, xã Hưng Thịnh, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	Bể chứa, 17 bể hương [illegible]	2022-2023	1.771	1.771				300			Tổng chiều dài đường ống L = 1075m; bể chứa [illegible] lọc 12x[illegible]		Số 2748/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	583	583				[illegible]		Điều chỉnh quy mô, tổng mức
4	Đường giao thông Phiêng Nà - Cốc Cai, xã Hưng Đạo, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	Đường GTNT cấp C, chiều dài L=3000 m	2022-2024	3.000	3.000				1.145			Đường GTNT cấp C, chiều dài L=3000 m		Số 2623/QĐ-UBND ngày 29/8/2022						1.785		Điều chỉnh quy mô, tăng kế hoạch năm 2022 từ dự án 10
III	*Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch*																					
1	Nhà văn hóa xóm Riền Thượng, xã Hưng Đạo, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	Nhà 3 gian	2022-2023	350	350			120	350	Đặc thù	Nhà văn hóa xóm Riền Thượng mới, xã Hưng Đạo, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	Nhà 3 gian										Điều chỉnh tên dự án "Riền Thượng" sang "Riền Thượng mới" (trường mắc mơ mai do trùng tên công trình đầu tư 2018)
IV	*Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn*																					
1	Đường bê tông xóm Khuổi Khon - Kha Lầm, xã Kim Cúc, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	rộng 3,5m, dài 2 km	2022-2023	3.200	3.200				2.400		Đường bê tông xóm Khuổi Khon - Kha Lầm, xã Kim Cúc, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	Đường GTNT cấp C, chiều dài L = 987,94m		Số 2753/QĐ-UBND ngày 29/8/2022								Điều chỉnh quy mô và điều chỉnh tên xóm từ "Khuổi Khon" sang "Khuổi Khon"
2	Đường giao thông Thang Buống-Khau Trang, xóm Khau Trang, xã Hồng Trị, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	Đường GTNT cấp C, chiều dài L = 1515,02m	2022-2024	3.200	3.200				1.800			Đường GTNT cấp C, chiều dài L = 1515,02m	2022-2024	Số 2777/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	3.200	3.200				2.400		Tăng kế hoạch NSTW năm 2022 từ dự án 1

STT	Theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND, ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh										Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung											Ghi chú
	Danh mục dự án	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư		Đối ứng NSTP		Huy động khác và nhân dân	Kế hoạch NSTW năm 2022	Cơ chế thực hiện	Tên dự án	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư được đề nghị			Đối ứng NSĐP		Huy động khác và nhân dân	Kế hoạch NSTW năm 2022	Cơ chế thực hiện	
				Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NS huyện							Số Quyết định (ngày, tháng, năm)	Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NS huyện				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
V	*Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình*																					
	Trang bị hệ thống truyền thanh ứng dụng CNTT-VT và xã Bản Toan			640	640				640											0		Không thực hiện do chưa có hướng dẫn của bộ TTTT
IX	**HUYỆN BẢO LÂM**																					
I	*Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*																					
	Đường GTNT Tổng Ngoung - Khau Piao, xóm Nà Luông, xã Quảng Lâm, huyện Bảo Lâm	Đường GTNT loại C	2022 - 2024	1.030	1.030	0	0	0	278	Cơ chế đặc thù	Đường GTNT Tổng Ngoung - Khau Piao, xóm Nà Luông, xã Quảng Lâm, huyện Bảo Lâm	Đường GTNT loại C	2022 - 2024							819		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
II	*Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình*																					
1	Tiểu Dự án 2: ứng dụng CNTT hỗ trợ phát triển KT-XH và bảo đảm ANTT vùng đồng bào DTTS và MN			3.070	3.070				353		Tiểu Dự án 2: ứng dụng CNTT hỗ trợ phát triển KT-XH và bảo đảm ANTT vùng đồng bào DTTS và MN									0		Không thực hiện do chưa có hướng dẫn của bộ TTTT
X	**HUYỆN TRÙNG KHÁNH**																					
I	*Dự án 1: Cấp nước sinh hoạt, đất ở, đất sản xuất*																					
1	Nước sinh hoạt xóm Vinh Quang, xã Đoài Dương, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	[illegible]		2.000	2.000				1.000					3694/QĐ-UBND ngày [illegible]						1.000		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
2	Dự án Đất ở			200	200				40											0		Không thực hiện do chưa có hướng dẫn
3	Dự án Đất sản xuất			1.800	1.800				450											0		Không thực hiện do chưa có hướng dẫn
II	*Dự án 5 - Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú có học sinh bán trú*																					
1	Trường PT Dân tộc bán trú THCS Quang Vinh-Lưu Ngọc, xã Quang Vinh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	[illegible]		[illegible]	[illegible]				[illegible]					3708/QĐ-UBND ngày [illegible]						1.140		Điều chỉnh tăng chỉ tiêu giao năm 2022
III	*Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng ĐBDTTS và MN. Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình*																					
1	Dự án chuyển đổi số trên địa bàn huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng			3.589	3.589				643											0		Không thực hiện do chưa có hướng dẫn

Phụ lục 3

ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG PHỤ LỤC 6 KÈM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 29/NQ-HĐND CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND, ngày tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND, ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh										Nội dung Nghị điều chỉnh, bổ sung										Ghi chú
	Danh mục dự án	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư		Đối ứng NSĐP		Huy động khác và nhân dân	Kế hoạch năm 2022 (NSTW)	Cơ chế thực hiện	Tên dự án	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư được duyệt			Đối ứng NSĐP		Huy động khác và nhân dân	Kế hoạch năm 2022	Cơ chế thực hiện	
				Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NS huyện							Số Quyết định (ngày, tháng, năm)	Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NS huyện				
A	B	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
I	HUYỆN HÀ QUẢNG																					
a	Dự án khởi công mới năm 2022																					
a	Công trình không thực hiện theo cơ chế đặc thù																					
1	Đường giao thông liên xã: Đoạn Xóm Khau Dựa, Xã Cần Nông - Xóm Lũng Tỷ, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Đường giao thông Cấp C	2022-2023	6.500	6.500				2.000					Số: 3777/QĐ-UBND, ngày 08/8/2022 của UBND huyện Hà Quảng	12.272	12.272				4.000		Điều chỉnh TMĐT, điều chỉnh vốn 2022
2	Đường giao thông liên xã: Đoạn Xóm Phia Khao, Yên Sơn - xóm Nậm Ngùa, xã Ngọc Động, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Đường giao thông Cấp C	2022-2023	5.500	5.500				2.000					Số: 3766/QĐ-UBND, ngày 30/8/2022 của UBND huyện Hà Quảng	4.080,426	4.080,426				4.080,000		Điều chỉnh TMĐT, điều chỉnh vốn 2022
3	Đường giao thông liên xã: Lũng Nậm - Cái Viên (Nhánh vào trụ sở Cái Viên), huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Đường giao thông Cấp C	2022-2023	3.500	3.500				2.500					Số: 3763/QĐ-UBND, ngày 30/8/2022 của UBND huyện Hà Quảng	5.394,373	5.394,373				3.426		Điều chỉnh TMĐT, điều chỉnh vốn 2022
4	Đường giao thông liên xã: Đoạn Xóm Kinh Trên, Xã Lương Sơn - Xóm Pải Bá, Tổng Cọt, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Đường giao thông cấp C	2022-2024	7.000	7.000				3.000											4.000		Điều chỉnh vốn 2022
5	Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Lũng Nhùng, Quý Quân - Xóm Lũng Vai, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Đường giao thông cấp C	2022-2023	5.000	5.000				2.000					Số: 3779/QĐ-UBND, ngày 30/8/2022 của UBND huyện Hà Quảng	6.241	6.241						Điều chỉnh TMĐT
6	Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Yên Thịnh, TT Xuân Hòa - Xóm Đào Bảo, Xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Đường giao thông cấp C	2022-2023	3.500	3.500				2.500					Số: 3775/QĐ-UBND, ngày 30/8/2022 của UBND huyện Hà Quảng	8.500	8.500						Điều chỉnh TMĐT
7	Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Lũng Khinh, Xã Đa Thông - Xóm Lũng Vai, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Đường giao thông cấp C	2022-2023	4.500	4.500				2.500					Số: 3772/QĐ-UBND, ngày 30/8/2022 của UBND huyện Hà Quảng	5.000	5.000						Điều chỉnh TMĐT
8	Đường giao thông liên xã: Đoạn Cơ Phầy - Tà Piều, Nội Thôn - Ngườm Vải, xã Cải Viên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Đường giao thông Cấp C	2022-2023	6.000	6.000				2.000					Số: 3790/QĐ-UBND, ngày 31/8/2022 của UBND huyện Hà Quảng	7.100	7.100						Điều chỉnh TMĐT
9	Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Lăng Lý, Nội Thôn - Xóm Bản Khèng, xã Cải Viên, huyện Hà Quảng	Đường giao thông cấp C	2022-2023	5.000	5.000				2.781					Số: 3792/QĐ-UBND, ngày 31/8/2022 của UBND huyện Hà Quảng	5.700	5.700						Điều chỉnh TMĐT
10	Điện sinh hoạt xóm Nà Chán, xã Sóc Hà	Công trình công nghiệp cấp C	2022-2023	1.500	1.500				1.000		Điện sinh hoạt xóm Nà Chán, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng			QĐ số 3536/QĐ - UBND ngày 26/8/2022 của UBND huyện Hà Quảng	995,153	995,153				995,000		Điều chỉnh tên dự án, TMĐT, điều chỉnh vốn 2022
11	Trường Tiểu học Nà Giàng, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Xây lớp học, phòng học bộ môn, nâng cấp lớp học	2022-2023	4.000	4.000				2.000					QĐ số 3629/QĐ - UBND ngày 28/8/2022 của UBND huyện Hà Quảng	3.989,079	3.989,079						Điều chỉnh TMĐT, đạt chuẩn 2023
12	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Rè Bảo, xã Đa Thông, huyện Hà Quảng	Xây mới nhà bộ môn, nhà đa năng, nâng cấp lớp học và các hạng mục phụ trợ	2022-2024	7.000	7.000				2.500					QĐ số 3793/QĐ - UBND ngày 31/8/2022 của UBND huyện Hà Quảng	6.500	6.500				3.000		Điều chỉnh TMĐT, điều chỉnh vốn 2022, đạt chuẩn 2025
13	Trường THCS Nà Giàng, xã Ngọc Đào, Huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Nhà hiệu bộ, phòng học bộ môn, nâng cấp lớp học	2022-2023	4.000	4.000				2.000					QĐ số 3638/QĐ - UBND ngày 28/8/2022 của UBND huyện Hà Quảng	3.986,656	3.986,656				3.000		Điều chỉnh TMĐT, điều chỉnh vốn 2022, đạt chuẩn 2023
14	Trường TH&THCS Cần Yên, Huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Nhà hiệu bộ, phòng học bộ môn và các hạng mục phụ trợ	2022-2023	5.000	5.000				2.800											3.000		Điều chỉnh vốn 2022, đạt chuẩn 2025
15	Trường Tiểu học Đào Ngạn, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Phòng học bộ môn và các hạng mục phụ trợ	2022-2023	1.500	1.500				1.200					QĐ số 3644/QĐ - UBND ngày 28/8/2022 của UBND huyện Hà Quảng	1.499,857	1.499,857				1.499,000		Điều chỉnh TMĐT, điều chỉnh vốn 2022, đạt chuẩn 2023
16	Trường TH&THCS Thị Xuân, xã Đa Thông, Huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Nhà hiệu bộ, phòng học bộ môn và các hạng mục phụ trợ	2022-2023	6.000	6.000				2.500											2.700		Điều chỉnh vốn 2022
17	Nhà Văn hóa xã Đa Thông, Huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	xây mới nhà 1 tầng cấp III, diện tích khoảng 250 m2	2022-2023	3.000	3.000				1.500													Giảm không thực hiện
18	Đập Thủy lợi Khuổi Rè, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Công trình thủy lợi cấp IV	2022-2023	3.000	3.000				2.000					QĐ số 3633/QĐ - UBND ngày 28/8/2022 của UBND huyện Hà Quảng	2.781,089	2.781,089						Điều chỉnh TMĐT
19	Đập mương Khuổi Diêu- Nà Sai, xã Lương Can, Huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Công trình thủy lợi cấp IV	2022-2023	2.000	2.000				1.000											2.000		Điều chỉnh vốn 2022
	Dự kiến công trình thực hiện theo cơ chế đặc thù																					
1	Bể nước sinh hoạt xóm Tềnh Cà Lừa, xã Quý Quân, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	xây bể chứa nước dung tích 100 m3	2.022	1.000	1.000				1.000											0		Giảm, chuyển nguồn khác
2	Nước sinh hoạt các xóm Hồng Việt, xã Trường Hà, Huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	xây bể chứa nước dung tích 150 m3	2.022	1.000	1.000				1.000											0		Giảm, chuyển nguồn khác
3	Mương Thủy lợi Xóm Nà Tơ, Xóm Cốc Vường, Xã Sóc Hà	Công trình thủy lợi Cấp IV	2.022	1.000	1.000				1.000											0		Giảm, chuyển nguồn khác
4	Đường giao thông nội đồng Thẳng Tới xóm Đìa Lạng, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng	đổ bê tông mặt đường	2.022	525	500			25	500											0		Giảm, chuyển nguồn khác
5	Đường GTNT xóm Bản Lấp, xã Quý Quân, huyện Hà Quảng	đổ bê tông mặt đường	2.022	525	500			25	500											0		Giảm, chuyển nguồn khác

STT	Theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND, ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh										Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung											Ghi chú
				Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư					Kế hoạch năm 2022 (NSTW)	Cơ chế thực hiện				Tổng mức đầu tư được duyệt						Kế hoạch năm 2022	Cơ chế thực hiện	
	Danh mục dự án	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Tổng số	NSTW	Đối ứng NSĐP		Huy động khác và nhân dân			Tên dự án	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Số Quyết định (ngày, tháng, năm)	Tổng số	NSTW	Đối ứng NSĐP		Huy động khác và nhân dân			
						NS tỉnh	NS huyện										NS tỉnh	NS huyện					
6	Đường giao thông nội đồng xóm Bản Chá, xã	đổ bê tông mặt đường	2022	525	500			25	500											0		Giảm, chuyển nguồn khác
7	Đường GTNT Lũng Dây, xóm Phia Viềng xã Đa	đổ bê tông mặt đường	2022	525	500			25	500											0		Giảm, chuyển nguồn khác
8	Đường GTNT Lũng Xung - Lũng Lăng xã	đổ bê tông mặt đường	2022	1.050	1.000			50	1.000											0		Giảm, chuyển nguồn khác
b	**Dự án chuẩn bị đầu tư (khởi công mới năm**																					
a	**Công trình không thực hiện theo cơ chế đặc**																					
1	Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Mai Nưa,	Đường giao thông cấp C	2023-2025	5.000	5.000				200					Đang trình phê duyệt	8.000	8.000				350		Điều chỉnh TMĐT, điều chỉnh vốn 2022
2	Đường giao thông liên xã: Đoạn Tổ 6, Thị trấn	Đường giao thông cấp C	2023-2025	8.000	8.000				200											0		Không thực hiện
3	Đường giao thông liên xã: Đoạn Xóm Nà Chang	Đường giao thông Cấp C	2023-2025	8.000	8.000				200		Đường giao thông liên xã: Đoạn Xóm Nà Chang			Đang trình phê duyệt	10.000	10.000				350		Điều chỉnh tên dự án, TMĐT, điều chỉnh vốn 2022
4	Đường giao thông liên xã: Đoạn Xóm Bản Lấp,	Đường giao thông Cấp C	2023-2025	4.500	4.500				200					Đang trình phê duyệt	5.542,332	5.542,332				350		Điều chỉnh TMĐT, điều chỉnh vốn 2022
5	Nâng cấp Đường giao thông liên xã: Lũng Gà,	Công trình thủy lợi Cấp IV	2021-2025	5.000	5.000				200											0		Không thực hiện
6	Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Pác Bó,	Đường giao thông Cấp C	2023-2025	9.000	9.000				200											350		Điều chỉnh vốn 2022
7	Nhà Văn hóa xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh	xây mới nhà 1 tầng cấp III, diện tích khoảng 250 m2	2023-2025	3.000	3.000				200											0		Giảm không thực hiện
8	Sân Vận động xã Đa Thông, Huyện Hà Quảng,	Sân bóng đá 7 người	2023-2025	1.500	1.500				200											0		Giảm không thực hiện
9	Sân Vận động xã Tổng Cọt, huyện Hà Quảng	Sân bóng đá 7 người và các hạng mục khác	2023-2025	3.000	3.000				200											0		Giảm không thực hiện
10	Nâng cấp, xây mới hồ mương Tổ Xuân Vinh -	Công trình thủy lợi	2023-2025	7.988	7.988				200											0		Không thực hiện
c	**Dự kiến công trình thực hiện theo cơ chế đặc**																					
1	Mương Thủy lợi Xóm Hòa Chung, xã Ngọc	Công trình thủy lợi Cấp IV	2023 - 2025	1.575	1.500			75	200											0		Giảm không thực hiện
2	Nâng cấp nước sinh hoạt xóm Bản Cối xã Cần	Nâng cấp	2023, 2025	1.050	1.000			50	200											0		Giảm không thực hiện
3	Mương Thủy lợi Nà Tiểu, Xã Lương Can	Công trình thủy lợi Cấp IV	2023, 2025	1.575	1.500			75	200											0		Giảm không thực hiện
4	Mương Nà Sáo - Bó Răng xã Cần Yên, huyện Hà	Công trình thủy lợi Cấp IV	2023, 2025	1.575	1.500			75	200											0		Giảm không thực hiện
5	Đường GTNT xóm Biên Cương xã Cần Yên,	đổ bê tông mặt đường	2023, 2025	525	500			25	200											0		Giảm không thực hiện
6	Đường GTNT Chí Nọi, Xóm Pác Thìn, xã Lương	đổ bê tông mặt đường	2023, 2025	525	500			25	200											0		Giảm không thực hiện
7	Đường giao thông nội đồng xóm Lũng Pươi, xã	đổ bê tông mặt đường	2023, 2025	525	500			25	200											0		Giảm không thực hiện
8	Đường GTNT Pải Bế, xóm Cọt Nưa, xã Tổng	đổ bê tông mặt đường	2023, 2025	525	500			25	200											0		Giảm không thực hiện
e	**Dự án bổ sung mới**																					
1											Trường Tiểu học Quý Quân, xã Quý Quân, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Trường tiểu học	2022-2023		5.000	5.000				200	không đặc thù	Bổ sung mới
2											Đường giao thông liên xã: Đoạn Lũng Luông, Xã Lũng Nặm - Bản Hoàng, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Đường giao thông cấp C	2021-202		22.478,035	20.406,035	-	2.072		300	không đặc thù	Bổ sung mới
II	**HUYỆN NGUYÊN BÌNH**																					
a	**Dự án khởi công mới 2022**																					
	Dự án không thực hiện theo cơ chế đặc																					
1	Đường giao thông liên xã tuyến Nà Bao, xã Minh	Đường bê tông xi măng dài khoảng 2,5 km, rộng 3m	Năm 2022-2023	7.600	7.600				4.850					3329/QĐ-UBND ngày						7.250		Điều chỉnh KH vốn năm
2	Đường giao thông liên xã tuyến xã Quang Thành	Đường bê tông xi măng dài khoảng 2,5 km, rộng 3m	Năm 2022-2023	5.100	5.100				4.000					3336/QĐ-UBND ngày 25/8/2022						4.750		Điều chỉnh KH vốn năm 2022
3	Đường giao thông liên xã từ đập Rán Đẩy, Thuỷ	Tuyến đường dài khoảng 2,5km, rộng 5m	Năm 2022-2023	7.100	7.100				3.500					3369/QĐ-UBND ngày 26/8/2022						6.100		Điều chỉnh KH vốn năm 2022
4	Đường giao thông liên xã Pác Cai -Nậm Tăng -	Mở mới tuyến đường dài khoảng 5km, rộng 5m	Năm 2022-2023	7.100	7.100				4.800					3337/QĐ-UBND ngày 25/8/2022						6.100		Điều chỉnh KH vốn năm 2022

STT	Danh mục dự án	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư					Kế hoạch năm 2022 (NSTW)	Cơ chế thực hiện	Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung										Ghi chú
						Đối ứng NSĐP		Huy động khác và nhân dân						Tổng mức đầu tư được duyệt			Đối ứng NSĐP		Huy động khác và nhân dân			
				Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NS huyện				Tên dự án	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Số Quyết định (ngày, tháng, năm)	Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NS huyện		Kế hoạch năm 2022	Cơ chế thực hiện	
5	Đường liên kết vùng từ xóm Phia Bó, xã Thể Dục nối với km7 đường đi ngã ba Sơn Đông, xã Cương Thông	Đường bê tông xi măng dài khoảng 1,5km	Năm 2022-2023	3.350	3.350				2.750					3370/QĐ-UBND ngày 26/8/2022						3.250		Điều chỉnh KH vốn năm 022
6	Đường liên kết vùng xóm Đồng Bau kết nối xóm Bó Mười, thôn Trang	Đường bê tông xi măng dài [illegible]	Năm [illegible]	6.100	6.100				4.700					3330/QĐ-UBND ngày 25/8/2022						5.700		Điều chỉnh KH vốn năm 022
7	Đường liên kết vùng từ xóm Lũng Luông, xã Vũ Nông kết nối với ngã ba đường đi xã Cư Thánh, [illegible]	Đường bê tông xi măng dài 1,5 km, rộng 3 m	Năm 2022-2023	3.300	3.300				2.300					3374/QĐ-UBND ngày 26/8/2022						2.600		Điều chỉnh KH vốn năm 022
8	Cấp điện sinh hoạt Bản Luộc; Cốc Bó, thị trấn Nguyên Bình, huyện Nguyên Bình (Nhánh 1: Thôm Sẩu, xóm Bản Luộc; Nhánh 2: Khuổi Khiếu, xóm Cốc Bó, thị trấn Nguyên Bình)	Nâng cấp đường dây chiều dài 6 km với 47 hộ dân hưởng lợi, 100% là hộ nghèo, cận nghèo dân tộc thiểu số	Năm 2022-2023	2.700	2.700				2.000		Cấp điện sinh hoạt Bản Luộc; Cốc Bó, thị trấn Nguyên Bình, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng	Nâng cấp đường dây chiều dài 6 km với 47 hộ dân hưởng lợi, 100% là hộ nghèo, cận nghèo dân tộc thiểu số. (Nhánh 1: Thôm Sẩu, xóm Bản Luộc; Nhánh 2: Khuổi Khiếu, xóm Cốc Bó, thị trấn Nguyên Bình)		3358/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	4.393,747	4.393,747						Đề nghị thay đổi tên do vượt quá 240 ký tự không mở được mã dự án; quy mô và tăng tổng mức đầu tư từ 2.700 triệu đồng lên thành 4.393,747 triệu đồng
9	Bản sinh hoạt xóm Bắc Sơn, xã Minh Tâm	Thay thế, nâng cấp trạm biến thế đảm bảo điện tiêu [illegible]	Năm 2022	350	350				250											0		Giảm không thực hiện
10	Trường Mầm non thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình	Xây lớp học 2 tầng (04 lớp học) và hạng mục ngoài trời	Năm 2022-2027	5.500	5.500				3.000			Phòng học chức năng; Hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà (đạt chuẩn quốc gia Theo thông tư 13/2020/TT-BGDĐT)		3430/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	4.264,454	4.264,454						Điều chỉnh quy mô đầu tư; giảm tổng mức đầu tư
11	Trường Mầm non thị trấn Nguyên Bình, huyện Nguyên Bình	Xây phòng hội đồng, phòng bộ môn và phòng học (Theo thông tư 13/2020/TT-BGDĐT)	Năm 2022-2023	5.000	5.000				3.000			Phòng hội đồng, phòng học bộ môn, Sân khấu, nhà lớp học và hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà (đạt chuẩn quốc gia Theo thông tư 13/2020/TT-BGDĐT)		3349/QĐ-UBND ngày 25/8/2022								Điều chỉnh quy mô đầu tư
12	Trường Tiểu học Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình	Xây phòng đa chức năng, phòng bộ môn và các phòng phụ trợ khác (Theo thông tư 13/2020/TT-[illegible]	Năm 2022-2023	5.000	5.000				3.000			Nhà lớp học, nhà Hội đồng và hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà (đạt chuẩn quốc gia Theo thông tư 13/2020/TT-BGDĐT)		3334/QĐ-UBND ngày 25/8/2022								Điều chỉnh quy mô đầu tư
13	Nước sinh hoạt tập trung xã Minh Tâm, huyện Nguyên Bình (Nhánh 1: Khu Gòi Cá, xóm Đồng Sơn; Nhánh 2: Khu Pắc Phoi, xóm Đồng Sơn; Nhánh 3: Khu Nà Bản, xóm Giang Sơn; Nhánh 4: Khu Minh Long, xóm Tân Tiến)	Xây mới bể chứa và ống dẫn nước đến 113 hộ dân, trường Mầm non và Tiểu học Bắc Hợp, trường Mầm non và tiểu học Minh Tâm	Năm 2022-2023	1.700	1.700				1.400		Nước sinh hoạt tập trung xã Minh Tâm, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng	Xây mới bể chứa và ống dẫn nước đến 113 hộ dân, trường Mầm non và Tiểu học Bắc Hợp, trường Mầm non và tiểu học Minh Tâm (Nhánh 1: Khu Gòi Cá, xóm Đồng Sơn; Nhánh 2: Khu Pắc Phoi, xóm Đồng Sơn; Nhánh 3: Khu Nà Bản, xóm Giang Sơn; Nhánh 4: Khu Minh Long, xóm Tân Tiến)		3384/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	2.293,780	2.293,780						Đề nghị thay đổi tên do vượt quá 240 ký tự không mở được mã dự án; điều chỉnh quy mô và tăng tổng mức đầu tư từ 1.700 triệu đồng thành 2.293,780 triệu đồng
14	Nước sinh hoạt tập trung 03 xóm Nặm Rằng - Minh Khai - Bình An, xã Triệu Nguyên	Đầu tư xây mới nước sinh hoạt tập trung 2,5 km cho 30 hộ dân và trường Tiểu học, THCS xã Triệu [illegible]	Năm 2022-2023	2.300	2.300				1.300											0		Giảm không thực hiện do không đảm bảo cơ chế, mục tiêu thực hiện theo QĐ 90/QĐ-TTg
15	Nước sinh hoạt tập trung xóm Lũng Lỳ, xã Cư Thánh	Xây hu đầu nguồn, bể chứa và ống dẫn nước cho [illegible]	Năm 2022-2023	2.000	2.000				1.000					3410/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2022						1.800		Điều chỉnh tăng vốn KH năm 2022
16	Nước sinh hoạt tập trung xã Mai Long, huyện Nguyên Bình (Nhánh 1: xóm Cốc Mốc, xã Mai Long; Nhánh 2: Xóm Cốc Cọi, xã Mai Long)	Tuyến dài khoảng đảm phục vụ nước sinh hoạt cho 114 hộ dân chưa được đầu [illegible]	Năm 2022-2023	3.000	3.000				2.500					3411/QĐ-UBND ngày 29/8/2023	2.409,116	2.409,116				2.000		Điều chỉnh giảm tổng mức đầu tư và KH vốn giao năm 2022
17	Nước sinh hoạt tập trung xã Hoa Thám, huyện Nguyên Bình (Nhánh 1: xóm Cảm Tẹn, xã Hoa Thám; Nhánh 2: xóm Nà Chẩn, xã Hoa Thám)	Xây mới đập thu nước đầu nguồn, bể đầu nguồn, bể chứa và ống nước cho 87 hộ dân dài khoảng 7 km chưa được đầu tư xây dựng	Năm 2022-202[illegible]	3.000	3.000				1.000					3388/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	2.843,654	2.843,654				1.500		Điều chỉnh giảm tổng mức đầu tư và KH vốn giao năm 2022
18	Nước sinh hoạt tập trung xóm Tá Cáp, xã Yên La	Đầu tư xây dựng nước sinh hoạt tập trung dài 3 km cho 35 hộ dân hưởng lợi	Năm 2022-202[illegible]	1.000	1.000				500											0		Giảm Không thực hiện do không đảm bảo cơ chế, mục tiêu thực hiện theo QĐ 90/QĐ-TTg
19	Mương thuỷ lợi Bản Chang, xã Thành Công	Xây kiên cố mương dài khoảng 2km cho 22 hộ dân hưởng lợi, với diện tích trên 8 ha	Năm 2022-202[illegible]	3.000	3.000				2.500											0		Giảm Không thực hiện do không đảm bảo cơ chế, mục tiêu thực hiện theo QĐ 90/QĐ-TTg

STT	Theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND, ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh										Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung										
	Danh mục dự án	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Dự kiến kế hoạch đầu tư					Kế hoạch năm 2022 (NSTW)	Cơ chế thực hiện	Tên dự án	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư được duyệt					Kế hoạch năm 2022	Cơ chế thực hiện	Ghi chú
				Tổng số	NSTW	Đối ứng NSĐP		Huy động khác và nhân dân						Số Quyết định (ngày, tháng, năm)	Tổng số	NSTW	Đối ứng NSĐP		Huy động khác và nhân dân			
						NS tỉnh	NS huyện										NS tỉnh	NS huyện				
20	Mương thuỷ lợi Khuổi Dăn - Đèm Đâu, xã Vũ Minh	Kiên cố hóa tuyến mương dài 867m, Đảm bảo lượng nước tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp cho 60 hộ, diện tích khoảng 7,2 ha	Năm 2022-2023	1.100	1.100				700		Mương thuỷ lợi xã Vũ Minh, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng	Kiên cố hóa tuyến mương dài 1.717m, Đảm bảo lượng nước tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp cho 130 hộ (60 hộ nghèo, 20 hộ cận nghèo), diện tích khoảng 12,2 ha Nhánh 1: Khuổi Dăn - Đèm Đâu, 2: Pác Tạng - Lăng Rườm, xóm Đoàn Kết)	Năm 2022-2023		2.600	2.600			1.600		Điều chỉnh tên dự án, ổng mức, quy mô đầu tư và kế hoạch vốn năm 2022
21	Mương thuỷ lợi thị trấn Nguyên Bình, huyện Nguyên Bình (Nhánh 1: Bó Rịn-Cốc Khuông, xóm Bản Luộc; Nhánh 2: Khuổi Tẩu, Tổ dân phố 1; Nhánh 3: Nà Dùa-Nà Quang, Tổ dân phố 2, thị trấn Nguyên Bình)	Kiên cố hóa tuyến mương dài khoảng 4km. Đảm bảo lượng nước tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp cho 128 hộ, diện tích khoảng 33 ha	Năm 2022-2023	4.000	4.000				2.500		Mương thuỷ lợi thị trấn Nguyên Bình, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng	Kiên cố hóa tuyến mương dài khoảng 4km Đảm bảo lượng nước tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp cho 128 hộ, diện tích khoảng 33 ha. (Nhánh 1: Bó Rịn-Cốc Khuông, xóm Bản Luộc; Nhánh 2: Khuổi Tẩu, Tổ dân phố 1; Nhánh 3: Nà Dùa-Nà Quang, Tổ dân phố 2, thị trấn Nguyên Bình)								Đề nghị thay đổi tên do vượt quá 240 ký tự không mở được mã dự án, điều chỉnh quy mô đầu tư
22	Mương thuỷ lợi xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình Nhánh 1: xóm Nà Mẹ, xã Tam Kim; Nhánh 2: Tổng Cu - Nà Khau, xóm Nà An, xã Tam Kim)	Xây đập Hoàng Trường và mương dài khoảng 3km Đảm bảo lượng nước tưới tiêu sản xuất nông nghiệp cho 128 hộ, diện tích 36 ha	Năm 2022	4.000	4.000				3.000				Năm 2022-2023	3387/QĐ-UBND ngày 26/8/2022							Điều chỉnh thời gian thực hiện thành 2022-2023
23	Mương thủy lợi xóm Nộc Sea, Ca Thành	Kiên cố hoá kênh mương dài khoảng 2000m phục vụ cho vụ mùa diện tích khoảng 15ha	Năm 2022-2023	2.000	2.000				1.500										0		Giảm Không thực hiện do không đảm bảo cơ chế, mục tiêu thực hiện theo QĐ 90/QĐ-TTg
24	Nâng cấp mương thuỷ lợi Nậm Tốc - Bó Cạn - Bản Chang, xã Mai Long	Trải 5km mương, xây dựng thêm khoảng 400m Đảm bảo lượng nước tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp cho 100 hộ, diện tích khoảng 30ha	Năm 2022-2023	2.500	2.500				1.500					3412/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.807,192	1.807,192					Điều chỉnh giảm tổng mức đầu tư
25	Kiên cố hoá mương thuỷ lợi Pác Tạng - Lăng Rườm, xóm Đoàn Kết, xã Vũ Minh	Kiên cố hóa tuyến mương dài 850m, Đảm bảo lượng nước tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp diện tích khoảng 5 ha	Năm 2022-2023	1.500	1.500				900										0		Giảm không thực hiện
26	Mương thuỷ lợi Nà Kẻ- Phiêng Lẩu, Phan Thanh	Kiên cố hoá mương dài 1,1km Đảm bảo nước tưới tiêu phục vụ sản xuất diện tích khoảng 8 ha	Năm 2022-2023	2.000	2.000				1.000										0		Giảm không thực hiện
	Dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù																				
1	Đường liên kết vùng xóm Tân Tiến, xã Minh Tâm kết nối với đường ngã ba Cô Luồng, xã Minh Tâm, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng	Đường bê tông xi măng dài 0,4 km	Năm 2022-2023	1.100	1100				700										0		Giảm Không thực hiện do không đảm bảo cơ chế, mục tiêu thực hiện theo QĐ 90/QĐ-TTg
2	Mương thuỷ lợi Phia Nọi, xã Thể Dục, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng	Kiên cố hóa tuyến mương dài 400m, Đảm bảo lượng nước tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp với diện tích khoảng trên 5 ha	Năm 2022-2023	700	700				600										0		Giảm Không thực hiện do không đảm bảo cơ chế, mục tiêu thực hiện theo QĐ 90/QĐ-TTg
b	Dự án chuẩn bị đầu tư (khởi công mới năm 2023)																				
	Dự án không thực hiện theo cơ chế đặc thù																				
1	Đường liên khu vực: Đường tránh chợ Phia Đén, từ xóm Pò Vải sang xóm Phia Đén đi trung tâm xã Thành Công	Mở mới tuyến đường dài khoảng 2,3km	Năm 2023-2025	15.200	15.200				1.000						17.200	17.200					Tăng TMĐT 2.000 triệu đồng từ công trình Mương thuỷ lợi Nà Kẻ - Phiêng Lẩu, Phan Thanh
2	Đường giao thông liên xã Nà Mòng, xã Phan Thanh, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng sang An Thắng, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn	Mở mới tuyến đường dài khoảng 6 km	Năm 2023-2025	12.100	12.100				800		Đường giao thông liên kết vùng chuỗi du lịch cộng đồng Nà Mòng, xã Phan Thanh, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng	Tuyến đường dài khoảng 7 km			21.100	21.100					Điều chỉnh tên, điều chỉnh quy mô và tổng tiếng mức đầu tư từ 12.100 triệu lên 21.100 triệu đồng
3	Đường liên xã Hoài Khao, xã Quang Thành sang Tam Hợp, xã Thành Công	Mở mới tuyến đường dài khoảng 3km	Năm 2023-2025	10.200	10.200				700				Năm 2024-2025						0		Thành Kết văn năm 2022 do vướng vào đất rừng, điều chỉnh thời gian khởi công hoàn thành từ năm 2023-2025 sang năm 2024-2025
4	Đường giao thông liên xã Lũng Súng, xã Yên Lạc sang Bản Ó, xã Đình Phùng, huyện Bảo Lạc	Mở mới tuyến đường dài khoảng 1 km	Năm 2023-2025	6.100	6.100				600										0		Giảm không thực hiện

STT	Danh mục dự án	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư					Kế hoạch năm 2022 (NSTW)	Cơ chế thực hiện	Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung			Tổng mức đầu tư được duyệt					Kế hoạch năm 2022	Cơ chế thực hiện	Ghi chú
				Tổng số	NSTW	Đối ứng NSĐP		Huy động khác và nhân dân			Tên dự án	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Số Quyết định (ngày, tháng, năm)	Tổng số	NSTW	Đối ứng NSĐP		Huy động khác và nhân dân			
						NS tỉnh	NS huyện										NS tỉnh	NS huyện				
5	Mở mới đường giao thông liên xã Năm Hàng, Thiện Nguyện sang xã Yên Lạc, huyện Nguyên Bình	Mở mới tuyến đường dài 4km	Năm 2023-2025	13.600	13.600				1.000			Mở mới tuyến đường dài khoảng 6,992 km			17.800	17.800						Điều chỉnh quy mô dự án, tổng mức đầu tư từ 13.600 triệu đồng lên 17.800 triệu đồng
6	Đường liên kết vùng Quan Đồng, xóm Cảm Tạm, xã Hoa Thám kết nối với km2 đường đi xóm Nà Nọi, xã Minh Tâm	Đường bê tông xi măng dài 400m, rộng 3m	Năm 2023	1.000	1.000														0		Không thực hiện do qua khảo sát thực tế không còn hộ theo mục tiêu đầu tư theo QĐ 90
7	Trường tiểu học Ca Thành, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng	10 phòng học, 4 phòng bộ môn, 01 nhà hội đồng, 01 nhà đa năng, 10 phòng bán trú, nhà ăn, nhà vệ sinh và hạng mục ngoài trời	Năm 2023-2025	12.179	12.179				1.000			Nhà hội đồng, nhà lớp học, phòng học chức năng, nhà bán trú, nhà ăn và hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà(Đạt chuẩn quốc gia theo thông tư 13/2020/TT-BGDĐT)			18.817,057	18.817,057						Điều chỉnh quy mô và tổng đầu tư từ 12.719 triệu lên 18.817,057 triệu đồng
8	Trường Mầm non Thể Dục, huyện Nguyên Bình	Xây phòng hội đồng, phòng bộ môn và phòng học (Theo thông tư 11/2020/TT-BGDĐT)	Năm 2023-2024	7.400	7.400				700			Nhà lớp học, phòng học chức năng, Sân khấu, Hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà (đạt chuẩn quốc gia theo Thông tư 13/2020/TT-BGD ĐT)										Điều chỉnh quy mô đầu tư
III	TRƯỜNG KHÁNH																				
a	Dự án khởi công mới năm 2023																				
*	Không thực hiện theo nội dung điều chỉnh																				
1	Đường giao thông liên xã Đức Hồng - Cao Thăng (đoạn Thanh Xuân - Mỹ Ngọc)	Đường GTNT loại B, L=4km	2022-2024	8.000,0	8.000,0				5.000		Đường giao thông liên xã Đức Hồng - Cao Thăng (đoạn Thanh Xuân - Mỹ Ngọc), huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Đường GTNT loại C, L=1,46km		3684/QĐ-UBND ngày 25/8/2022								Điều chỉnh tên dự án, địa điểm đầu tư, quy mô đầu tư
2	Đường giao thông liên xã Khâm Thành- Phong Nặm	Đường GTNT loại B, L=2km	2022-2024	8.000,0	8.000,0				5.000		Đường giao thông liên xã Khâm Thành- Phong Nặm, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Đường GTNT loại B, L=4,144km		3685/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	14.000	14.000				5.600		Điều chỉnh tên dự án, quy mô đầu tư, TMĐT, kế hoạch vốn năm 2022
3	Đường giao thông liên xã Trung Phúc-Quảng Hưng (đoạn Nà Giềng, xã Trung Phúc đến Pò Rẻ, Quảng Hưng)	Đường GTNT loại B, L=4km	2022-2024	14.500,0	14.500,0				6.417		Đường giao thông liên xã Trung Phúc-Quảng Hưng (đoạn Nà Giềng, xã Trung Phúc đến Pò Rẻ, Quảng Hưng), huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Đường GTNT loại B, L=4,55km		3751/QĐ-UBND ngày 26/8/2022								Điều chỉnh tên dự án, địa điểm đầu tư, quy mô đầu tư
4	Đường giao thông liên kết vùng Nà Lung - Nà Nhi - Đăng Si, xã Ngọc Côn	Đường GTNT loại C, L=2km; cầu lắp ghép	2022-2024	8.000,0	8.000,0				5.000,0		Đường giao thông liên kết vùng Nà Lung - Nà Nhi - Đăng Si, xã Ngọc Côn, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Đường GTNT loại C, đường dẫn L=0,8 km; cầu dầm chữ I 2x24m L=56,15m; cầu dầm bản 2x11,8m; L=27,66m		3743/QĐ-UBND ngày 26/8/2022								Điều chỉnh tên dự án, quy mô đầu tư
5	Đường giao thông liên xã Mã Ba - Quang Vinh, huyện Trùng Khánh	Đường GTNT loại B, L=3km	2022-2024	8.000,0	8.000,0				5.500,0		Đường giao thông liên xã Mã Ba - Quang Vinh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Đường GTNT loại B, L=2,4km		3686/QĐ-UBND ngày 25/8/2022								Điều chỉnh tên dự án, địa điểm đầu tư, quy mô đầu tư
6	Đường giao thông liên kết vùng Lạc Hiền - Lũng Rỳ, xã Quang Vinh	Đường GTNT loại C, L=2,5km	2022-2024	6.000	6.000				4.000		Đường giao thông liên kết vùng Lạc Hiền - Lũng Rỳ, xã Quang Vinh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Đường GTNT loại C, L=2,5km		3687/QĐ-UBND ngày 25/8/2022								Điều chỉnh tên dự án, quy mô đầu tư
7	Đường giao thông liên xã Đức Hồng-Cao Thăng-Phong Châu-Chí viễn (đoạn Đức Hồng - Cao Thăng)	Đường GTNT loại B, L=3km	2022-2024	9.000	9.000				5.600		Đường giao thông liên xã Đức Hồng-Cao Thăng-Phong Châu-Chí viễn (đoạn Đức Hồng - Cao Thăng), huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Đường GTNT loại B, L=2,9km		3744/QĐ-UBND ngày 26/8/2022								Điều chỉnh tên dự án, quy mô đầu tư
8	Đường giao thông liên xã Đoài Dương-Trung Phúc	Đường GTNT loại C, L=3km	2022-2024	6.780	6.780				4.000		Đường giao thông liên xã Đoài Dương-Trung Phúc, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Đường GTNT cấp B, L=1.868,88m		3683/QĐ-UBND ngày 25/8/2022								Điều chỉnh tên dự án, địa điểm đầu tư, quy mô đầu tư
9	Đường giao thông liên xã Phong Châu - Đình Phong	Cầu và đường dẫn 2 đầu cầu L=1km	2022-2024	10.000	10.000				5.500		Đường giao thông liên xã Phong Châu - Đình Phong, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Cầu và đường dẫn 2 đầu cầu L=1,1km; cầu dầm bản 110m		3688/QĐ-UBND ngày 25/8/2022								Điều chỉnh tên dự án, quy mô đầu tư
10	Đường GT liên xã Đoài Dương - An Lạc (Hạ Lang)	Đường GTNT loại B, L=3,57km	2022-2024	9.000	9.000				5.500		Đường GT liên xã Đoài Dương - An Lạc (Hạ Lang), huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Đường GTNT loại B, L=3,57km		3741/QĐ-UBND ngày 26/8/2022								Điều chỉnh tên dự án, quy mô đầu tư
11	Đường liên xã Quang Trung-Trí Phương	Đường GTNT loại B, L=6,2km	2022-2024	14.000	14.000				6.000		Đường liên xã Quang Trung-Trí Phương, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Đường GTNT loại B, L=6,2 km		3740/QĐ-UBND ngày 26/8/2022								Điều chỉnh tên dự án, quy mô đầu tư
12	Đường giao thông liên xã Nà Mẫn (Phong Châu) - Nà Sa (Đình Phong)	Đường GTNT cấp C, L=3km	2022-2024	8.000	8.000				3.500		Đường giao thông liên xã Nà Mẫn (Phong Châu) - Nà Sa (Đình Phong), huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Đường GTNT cấp C, L=2,9km		3689/QĐ-UBND ngày 25/8/2022								Điều chỉnh tên dự án, quy mô đầu tư
13	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Châu, xã Phong Châu	Xây mới khối hành chính-quản trị, và khối phụ trợ; Nhà lớp học đạt chuẩn và hạng mục phụ trợ	2022-2024	12.000	12.000				4.000		Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Phong Châu, xã Phong Châu, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Nhà lớp học; nhà hiệu bộ và hạng mục ngoài nhà		3739/QĐ-UBND ngày 26/8/2022								Điều chỉnh tên dự án, quy mô đầu tư (công trình giáo dục đạt chuẩn quốc gia)
b	Dự án chuẩn bị đầu tư năm 2023																				
*	Không thực hiện theo nội dung điều chỉnh																				
1	Đường và cầu Giộc Sung liên xã Ngọc Khê - Ngọc Côn	Cầu L=72m, đường 2 đầu cầu	2023-2024	8.000	8.000				600		Đường và cầu Giộc Sung liên xã Ngọc Khê - Ngọc Côn, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Đường dẫn L=192m, cầu dầm I 3x24m, L= 80,214m		3738/QĐ-UBND ngày 26/8/2022								Điều chỉnh tên dự án, quy mô đầu tư
2	Đường giao thông liên kết vùng Lũng Thẩ - Lũng Mậu, xã Quang Vinh	Đường GTNT cấp C, L=3,0km	2023-2024	6.000	6.000				600										0		Không thực hiện
3	Đường GT liên xã Bản Cần (Trung Phúc)-xã Phi Hải (Quảng Hòa)	Đường GTNT cấp C, L=3km	2023-2024	8.000	8.000				600		Đường GT liên xã Bản Cần (Trung Phúc)-xã Phi Hải (Quảng Hòa), huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Đường GTNT cấp B, L=2km		3742/QĐ-UBND ngày 26/8/2022								Điều chỉnh tên dự án, địa điểm đầu tư, quy mô đầu tư
4	Mương nội đồng xóm Đồng Nhất, xã Đoài Dương	Hệ thống mương BxH=40x60 L=2km	2023-2024	4.000	4.000				600										0		Không thực hiện

STT	Danh mục dự án	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư					Kế hoạch năm 2022 (NSTW)	Cơ chế thực hiện	Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung											Ghi chú
						Đối ứng NSĐP		Huy động khác và nhân dân			Tên dự án	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư được duyệt			Đối ứng NSĐP		Huy động khác và nhân dân	Kế hoạch năm 2022	Cơ chế thực hiện	
				Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NS huyện							Số Quyết định (ngày, tháng, năm)	Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NS huyện				
5	Trạm y tế xã Chí Viễn	Nhà làm việc và hạng mục phụ trợ	2023-2025	5.000	5.000				600		Trạm y tế xã Chí Viễn, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Nhà làm việc; nhà bếp, nhà đốt rác sinh hoạt, nhà để xe và hạng mục phụ trợ		1690/QĐ-UBND ngày 25/8/2022								Điều chỉnh tên dự án, quy mô đầu tư (công trình y tế đạt chuẩn quốc gia)
6	Trường Tiểu học và trung học cơ sở Phong Nặm, xã Phong Nặm	Xây mới Nhà lớp học, [illegible] và hạng mục phụ trợ	2023-2025	5.500	5.500				600		Trường Tiểu học và trung học cơ sở Phong Nặm, xã Phong Nặm, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Nhà bộ môn 3 tầng và hạng mục phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật		3691/QĐ-UBND ngày 25/8/2022								Điều chỉnh tên dự án, quy mô đầu tư (công trình giáo dục đạt chuẩn quốc [illegible]
7	Trường Tiểu học Đức Hồng, xã Đức Hồng		2023-2025	3.500	3.500				600		Trường Tiểu học Đức Hồng, xã Đức Hồng, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Nhà hội đồng và hạng mục phụ trợ		3735/QĐ-UBND ngày 26/8/2022								Điều chỉnh tên dự án, quy mô đầu tư(công trình giáo dục đạt chuẩn quốc gia)
8	Trường Tiểu học Lăng Hiếu, xã Lăng Hiếu		2023-2025	4.000	4.000				600		Trường Tiểu học Lăng Hiếu, xã Lăng Hiếu, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Nhà lớp học và hạng mục phụ trợ		3692/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	8.000	8.000				1.200		Điều chỉnh tên; quy mô đầu tư, tổng TMĐT (công trình giáo dục đạt chuẩn quốc gia)
9	Trường Tiểu học và trung học cơ sở Cao Chương, xã Cao Chương		2023-2025	7.000	7.000				700		Trường Tiểu học và trung học cơ sở Cao Chương, xã Cao Chương, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Nhà bộ môn, sân khấu, sân bê tông		3693/QĐ-UBND ngày 25/8/2022								Điều chỉnh tên dự án, quy mô đầu tư(công trình giáo dục đạt chuẩn quốc gia)
IV	[illegible]																					
a	*Dự án khởi công mới năm 2022*																					
	Dự án [illegible] điều kiện cụ thể đầu tư																					
1	Đường giao thông liên xã đoạn Nà Soen, Kim Cúc đến Chàng Hạ, Hưng Thịnh	6,5 km	2022-2025	10.400	10.400				5.000		Đường giao thông liên xã đoạn Nà Soen, Kim Cúc đến Chàng Hạ, Hưng Thịnh, huyện Bảo Lạc, [illegible]	Đường GTNT cấp B, Tổng chiều dài L = 6679,28m		Số 2759/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	13.200	11.475		1.725				Điều chỉnh tên dự án;thay đổi Quy mô; tăng tổng mức đầu tư
2	Đường giao thông liên xã đoạn Pác Miòng - Nậm Pồi, Đình Phòng đến Nậm Cốp, Huy Giáp, huyện [illegible]	6 km	2022-2023	7.500	7.500				3.500		Đường giao thông liên xã đoạn Pác Miòng - Nậm Pồi, Đình Phòng đến Nậm Cốp, Huy Giáp, huyện [illegible]	Đường GTNT cấp B, Tổng chiều dài L = [illegible]		Số 2618/QĐ-UBND ngày 29/8/2022								Điều chỉnh tên dự án,thay đổi Quy mô;
3	Đường giao thông liên xã đoạn Vằng Linh, Hưng Thịnh đến Nà Soen, Kim Cúc, huyện Bảo Lạc, [illegible]	4,8km	2022-2023	7.200	7.200				3.500		Đường giao thông liên xã đoạn Vằng Linh, Hưng Thịnh đến Nà Soen, Kim Cúc, huyện Bảo Lạc, [illegible]	Đường GTNT cấp B, Tổng chiều dài L = 4057,7m		Số 2760/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	7.000	7.000						Điều chỉnh tên dự án; Quy mô; giảm tổng mức đầu tư
4	Đường giao thông liên xã đoạn Khuổi Mục, Hưng Thịnh đến Bản Khuông, Sơn Lộ	12km	2022-2023	14.000	14.000				7.000		Đường giao thông liên xã đoạn Khuổi Mục, Hưng Thịnh đến Bản Khuông, Sơn Lộ, huyện [illegible]	Đường GTNT cấp B, Tổng chiều dài L = 8011,4m		Số 2761/QĐ-UBND ngày 30/8/2022								Điều chỉnh tên dự án; Quy mô
5	Đường giao thông liên xã đoạn Bản Khuông, Sơn Lộ đến Khuổi Tao, Sơn Lập	10km	2022-2024	12.000	12.000				5.000		Đường giao thông liên xã đoạn Bản Khuông, Sơn Lộ đến Khuổi Tao, Sơn Lập, huyện Bảo Lạc, tỉnh [illegible]	Đường GTNT cấp B, Tổng chiều dài L = [illegible]		Số 2762/QĐ-UBND ngày 30/8/2022								Điều chỉnh tên dự án; Quy mô
6	Đường giao thông liên xã đoạn Nà Han, Huy Giáp đến Pù Mổ, Sơn Lộ	12km	2022-2023	14.000	14.000				6.000		Đường giao thông liên xã đoạn Pù Mổ, Sơn [illegible] đến Nà Han, Huy Giáp, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	Đường GTNT cấp B, Tổng chiều dài L = 4323,91m		Số 2769/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	12.300	12.300						Điều chỉnh tên dự án; Quy mô; giảm tổng mức đầu tư
7	Đường giao thông liên xã đoạn TDP4, Thị trấn đến Phiêng Dịt, Phan Thanh	11km	2022-2024	12.000	12.000				5.700		Đường giao thông liên xã đoạn TDP4, Thị trấn đến Phiêng Dịt, Phan Thanh, huyện Bảo Lạc, tỉnh [illegible]	Đường GTNT cấp B, Tổng chiều dài L = [illegible]		Số 2757/QĐ-UBND ngày 30/8/2022								Điều chỉnh tên dự án; Quy mô
8	Đường giao thông liên xã đoạn Khuổi Pết - Cốc Chom, Bảo Toàn đến Nà Bon, Lý Bôn	3,2km	2022-2023	4.800	4.800				500		Đường giao thông liên xã đoạn xóm Cốc Chom, xã Bảo Toàn, huyện Bảo lạc đến xóm Nà Bon, xã Lý Bôn, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	Đường GTNT cấp C, chiều dài L = 3096,14m	2022-2023	Số 2812/QĐ-UBND ngày 31/8/2022						2.000		Điều chỉnh tên dự án; thời gian thực hiện (khởi công mới 2022) Quy mô đầu tư và kế hoạch vốn 2022
9	Đường giao thông liên xã đoạn Ngầm Càng, Phan Thanh đến Bản Riền, Hưng Đạo	4,5km	2022-2023	6.000	6.000				500		Đường giao thông liên xã đoạn Ngầm Càng, Phan Thanh đến Bản Riền, Hưng Đạo, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	Đường GTNT cấp C, chiều dài L = 2018,11m	2022-2023	Số 2758/QĐ-UBND ngày 30/8/2022						2.000		Điều chỉnh tên dự án; thời gian thực hiện (khởi công mới 2022) Quy mô đầu tư và kế hoạch vốn 2022
10	Đường giao thông liên xã đoạn Khau Sủ, Hưng Thịnh đến Bản Lùm Hưng Đạo	2,5km	2022-2023	4.800	4.800				500		Đường giao thông liên xã đoạn Khau Sủ, Hưng Thịnh đến Bản Lùm Hưng Đạo, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	Đường GTNT cấp C, chiều dài L = 2334,19m	2022-202[illegible]	Số 2747/QĐ-UBND ngày 29/8/2022						2.000		Điều chỉnh tên dự án; thời gian thực hiện (khởi công mới 2022) Quy mô đầu tư và kế hoạch vốn 2022
11	Trường PTDTBT TH Bảo Toàn	Xây mới nhà lớp học, nhà ăn ,nhà bếp + các công trình phụ trợ khác	2022-2023	7.000	7.000				2.500		Trường PTDTBT TH Bảo Toàn , huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	Xây mới nhà hiệu bộ + phòng chức năng 2 tầng; nhà bếp 1tr, Hạng mục ngoài nhà		Số 2809/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	7.88[illegible]	7.88[illegible]				3.000		Điều chỉnh tên dự án; Quy mô đầu tư, tăng tổng mức đầu tư, vốn KH 2022 (công trình giáo dục đạt chuẩn quốc gia)
12	Trường PTDTBT TH Hưng Đạo	Xây mới nhà lớp học, nhà ký túc học sinh, công vụ giáo viên	2022-2023	4.500	4.500				2.000		Trường PTDTBT TH Hưng Đạo, xã Hưng Đạo, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	Xây mới nhà hiệu bộ + phòng chức năng 3 tầng; Hạng mục ngoài nhà		Số 2805/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	4.01[illegible]	4.01[illegible]						Điều chỉnh tên dự án; Quy mô đầu tư; giảm tổng mức đầu tư (công trình giáo dục đạt chuẩn [illegible]
13	Trường Mầm non Đình Phùng	Xây mới nhà lớp học, nhà ăn, nhà bếp, kho, nhà công vụ giáo viên	2022-202[illegible]	3.500	3.500				1.000		Trường Mầm non Đình Phùng, xã Đình Phùng, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	Xây mới nhà bếp + phòng chức năng 02 tầng; cải tạo nhà hiệu bộ; Hạng mục ngoài nhà		Số 2801/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	2.80[illegible]	2.800				1.500		Điều chỉnh tên dự án; Quy mô đầu tư; giảm tổng mức đầu tư , tổng kế hoạch vốn năm 2022 Kế hoạch vốn (công trình giáo dục đạt chuẩn quốc gia)

STT	Danh mục dự án	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư					Kế hoạch năm 2022 (NSTW)	Cơ chế thực hiện	Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung			Tổng mức đầu tư được duyệt					Kế hoạch năm 2022	Cơ chế thực hiện	Ghi chú
				Tổng số	NSTW	Đối ứng NSĐP		Huy động khác và nhân dân			Tên dự án	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Số Quyết định (ngày, tháng, năm)	Tổng số	NSTW	Đối ứng NSĐP		Huy động khác và nhân dân			
						NS tỉnh	NS huyện										NS tỉnh	NS huyện				
14	Trường Tiểu học Đình Phùng	xây mới nhà lớp học, phòng bộ môn , phòng hỗ trợ học tập	2022-2023	4.850	4.850				1.000		Trường Tiểu học Đình Phùng, xã Đình Phùng, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng (Hạng mục: Nhà hiệu bộ + phòng chức năng; Ngoài nhà)	Xây mới nhà hiệu bộ + phòng chức năng 3 tầng; Hạng mục ngoài nhà		Số 2802/QĐ-UBND ngày 31/8/2022						1.500		Điều chỉnh tên dự án; Quy mô đầu tư; tăng kế hoạch vốn năm 2022 Kế hoạch vốn (công trình giáo dục đạt chuẩn quốc gia)
15	Trường PTDTBT THCS Huy Giáp	Xây mới nhà phòng + các công trình phụ trợ khác	2022-2023	4.000	4.000				1.200		Trường PTDTBT THCS Huy Giáp, xã Huy Giáp, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	Xây mới nhà hiệu bộ 2 tầng; Hạng mục ngoài nhà		Số 2804/QĐ-UBND ngày 31/8/2022						2.200		Điều chỉnh tên dự án; Quy mô đầu tư; tăng Kế hoạch vốn năm 2022 (công trình giáo dục đạt chuẩn quốc gia)
16	Trường Mầm non xã Sơn Lộ	Xây mới nhà lớp học, hiệu bộ, nhà ăn nhà bếp	2022-2023	4.500	4.500				1.000		Trường Mầm non xã Sơn Lộ, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	Xây mới nhà lớp học 02 tầng; Hạng mục ngoài nhà		Số 2763/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	5.000	5.000				2.000		Điều chỉnh tên dự án;Quy mô đầu tư; Tăng tổng mức đầu tư; Kế hoạch vốn năm 2022 (công trình giáo dục đạt chuẩn quốc gia)
17	Trường Tiểu học xã Huy Giáp	Xây mới phòng bộ môn, nhà lớp học	2022-2024	3.000	3.000				1.200		Trường Tiểu học Huy Giáp, xã Huy Giáp, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	Xây mới nhà công vụ + phòng chức năng; Hạng mục ngoài nhà		Số 2804/QĐ-UBND ngày 31/8/2022						1.800		Điều chỉnh tên dự án quy mô; tăng kế hoạch vốn năm 2022 (công trình giáo dục đạt chuẩn quốc gia)
18	Trường PTDTBT THCS Bảo Toàn	Xây mới nhà lớp học, phòng kỹ túc xá học sinh	2022-2023	3.600	3.600				1.000		Trường PTDTBT THCS Bảo Toàn, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	Xây mới nhà hiệu bộ + phòng chức năng 2 tầng; Hạng mục ngoài nhà		Số 2811/QĐ-UBND ngày 31/8/2022						1.408		Điều chỉnh tên dự án quy mô; tăng kế hoạch vốn năm 2022 (công trình giáo dục đạt chuẩn quốc gia)
19	Đường Cốc Xả - Khuổi Sắc	1,9km	2022-2023	2.500	2.500				1.000	Đặc thù	Đường giao thông liên xã Cốc Xả (Hồng Trị) - Khuổi Sắc (Bảo Toàn), huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	4km	2023-2024		10.300	10.300				4.651	Không đặc thù	Điều chỉnh tên dự án, thời gian thực hiện, quy mô đầu tư, tổng mức, KH vốn 2022, cơ chế thực hiện
20	Đường BT xóm Nà Rại	0,8km; 89 hộ dân	2022-2023	1.000	1.000				500	Đặc thù									0		Giảm Không thực hiện đầu tư
21	Đường BT Khuổi Sỉ - Nà Mìa	1,2 km; 105 hộ dân	2022-2023	1.200	1.200				661	Đặc thù									0		Giảm Không thực hiện đầu tư
22	Đường Nà Khán - Khuổi Đẩy - Bản Lũng	2km	2022-2023	3.600	3.600				1.690	Đặc thù									0		Giảm Không thực hiện đầu tư
23	Thủy lợi Thang Hướng	2km (18 hộ dân được hưởng lợi)	2022-2023	2.000	2.000				800	Đặc thù									0		Giảm Không thực hiện đầu tư
A	*Khởi công mới năm 2022 chuyển từ giai đoạn*			*77.849*	*21.849*	*0*	*0*	*0*	*10.100*	*0*	*0*				*23.669*	*23.669*	*0*	*0*	*0*	*1.092*		
1	Cấp điện xóm Bản Chang	1TBA, 3000m Đz TA, 3000m Đz HA; 68 hộ dân, [illegible]	2022-2023	3.640	3.640				1.600		Cấp điện xóm Bản Chang, xã Thượng Hà, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	1TBA, 3000m Đz TA, 3000m Đz HA	2023-2024	Số 2793/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	4.036	4.036				182		Điều chỉnh tên dự án, TMĐT, KH vốn 2022
2	Cấp điện sinh hoạt xóm Phia Phong	1TBA,1,500m Đz TA, 1000m Đz HA, 29 hộ dân, [illegible]	2022-2023	3.100	3.100				1.400		Cấp điện sinh hoạt xóm Phia Phong, xã Xuân Trường, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	1TBA,1,500m Đz TA, 1000m Đz HA	2023-2024	Số 2611/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	3.153	3.153				155		Điều chỉnh tên dự án, TMĐT, KH vốn 2022
3	Cấp điện xóm Cốc Thốc	1 TBA, 2500m Đz TA, 3000m Đz HA; 59 hộ dân, [illegible]	2022-2023	2.800	2.800				1.500		Cấp điện xóm Cốc Thốc, xã Thượng Hà, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	1 TBA, 2500m Đz TA, 3000m Đz HA	2023-2024	Số 2794/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	3.825	3.825				140		Điều chỉnh tên dự án, TMĐT, KH vốn 2022
4	Cấp điện sinh hoạt xóm Lũng Nà	2500m Đz HA; 3500m Đz HA; 89 hộ, 470 nhân khẩu	2022-2023	3.200	3.200				1.500		Cấp điện sinh hoạt xóm Lũng Nà, xã Thượng Hà, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	1 TBA, 2500m Đz HA; 3500m Đz HA;	2023-2024	Số 2795/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	3.750	3.750				160		Điều chỉnh tên dự án, TMĐT, KH vốn 2022
5	Cấp điện xóm Ngầm A	1 TBA, 2500m Đz TA, [illegible]	2022-2023	3.000	3.000				1.500		Cấp điện xóm Ngầm A, xã Thượng Hà, huyện [illegible]	1 TBA, 2500m Đz TA, 2000m Đz HA;	2023-2024	Số 2808/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	3.570	3.570				150		Điều chỉnh tên dự án, TMĐT, KH vốn 2022
6	Cấp điện sinh hoạt nhóm Thiềng Qua xóm Nà Rác	1TBA, 2,500m Đz TA,2000m Đz HA, 31 hộ dân (CB: 20, KX: 11); 106 [illegible]	2022-2023	3.600	3.600				1.600		Cấp điện sinh hoạt nhóm Thiềng Qua xóm Nà Rác, xã Cô Ba, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	1TBA, 2,500m Đz TA,2000m Đz HA	2023-2024	Số 2612/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	3.110	3.110				180		Điều chỉnh tên dự án, TMĐT, KH vốn 2022
7	Trường Mầm non Thượng Hà	Xây mới nhà công vụ, phòng học	2022-2024	2.500	2.500				1.000		Trường Mầm non Thượng Hà, xã Thượng Hà, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng, (Hạng mục: Phòng chức năng; Ngoài nhà)	Nhà chức năng; hạng mục ngoài nhà	2023-2024	Số 2810/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	2.210	2.210				120		Điều chỉnh tên dự án thời gian thực hiện; giảm tổng mức đầu tư và thời gian thực hiện (công trình giáo dục đạt chuẩn quốc gia)
V	HẠ LANG																					
a	Khởi công mới năm 2022																					
1	Đường giao thông liên xã Quang Long - xã Thắng Nhất, huyện Hạ Lang	Chiều dài tuyến khoảng 4,5km	2022-2023	7.620	7.500		100	20	4.000										5.000		Điều chỉnh tăng vốn giao kế hoạch năm 2022 (tăng 1.000)
2	Đường giao thông liên xã (Bến Nhe xã Cô Ngân - Bản Sen, Xã Vinh Quý) huyện Hạ Lang	Chiều dài tuyến khoảng 4 km	2022-2024	6.485	6.400		65	20	4.500										5.000		Điều chỉnh tăng vốn giao kế hoạch năm 2022 (tăng 500)
3	Đường giao thông liên xã (Bến Nhe, xã Đồng Loan - Bặc Giang, xã Thắng Lợi) huyện Hạ Lang	Chiều dài tuyến khoảng 3 km	2022-2024	4.868	4.800		48	20	3.000						5.000	4.932		48	20	4.000		Điều chỉnh TMĐT, Điều chỉnh tăng vốn giao kế hoạch năm 2022
4	Đường giao thông liên xã (Lăn Lùa, xã Vinh Quý Bản Nhe, xã Cô Ngân) huyện Hạ Lang	Chiều dài tuyến khoảng 3,0 km	2022-2024	4.848	4.800		48		2.500										3.000		Điều chỉnh tăng vốn giao kế hoạch năm 2022 (tăng 500)

STT	Theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND, ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh										Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung										
				Dự kiến tổng mức đầu tư					Kế hoạch năm 2022 (NSTW)	Cơ chế thực hiện				Tổng mức đầu tư được duyệt						Kế hoạch năm 2022	Cơ chế thực hiện	Ghi chú
	Danh mục dự án	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Tổng số	NSTW	Đối ứng NSĐP		Huy động khác và nhân dân			Tên dự án	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Số Quyết định (ngày, tháng, năm)	Tổng số	NSTW	Đối ứng NSĐP		Huy động khác và nhân dân			
						NS tỉnh	NS huyện											NS huyện				
5	Đường giao thông liên xã (Đèn Sáng, xã Đồng Loan - Co Lý, xã Thắng Lợi), huyện Hạ Lang	Chiều dài khoảng 5 km	2023-2025	8.096	8.000		96		3.500				2022-2024							4.000		Điều chỉnh thời gian KC-HT, KH vốn 2022
6	Trạm y tế xã Đức Quang, huyện Hạ Lang	Xây mới nhà trạm, các hạ tầng kỹ thuật khác	2022-2023	7.116	6.000		60		1.000					6.758	6.758					4.501		Điều chỉnh TMĐT, KH vốn năm 2022 (công trình đã đạt chuẩn quốc gia)
7	Trường mầm non xã An Lạc, huyện Hạ Lang	Xây mới nhà hiệu bộ, nhà công vụ giáo viên, nhà bếp	2022-2023	6.060	6.000		60		3.671											4.000		Điều chỉnh KH vốn năm 2022
8	Mương thủy lợi Bản Cùng Mản xã Đồng Loan	Chiều dài tuyến khoảng 4	2022-2023	3.232	3.200		32		2.500											0		Giảm không thực hiện
9	Mương thủy lợi Bản Sáng, xã Đồng Loan, huyện	Chiều dài tuyến khoảng 3,5	2023-2025	3.030	3.000		30		2.500											0		Giảm không thực hiện
10	Nước sinh hoạt tập trung xóm Lân Lùa, xã Vinh	Xây dựng mới, cấp nước	2022-2023	3.535	3.500		35		2.000											0		Giảm không thực hiện
11	Trường mầm non xã Lý Quốc, huyện Hạ Lang	Xây mới nhà phòng học, các phòng chức năng khác	2022-2023	3.838	3.800		38		2.000											0		Giảm không thực hiện
b	Chuẩn bị đầu tư 2023																					
	Dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù																					
1	Đường giao thông liên xã (Sộc Áng, xã An Lạc - Đoòng Rằng, xã Vinh Quý), huyện Hạ Lang	Chiều dài tuyến 3,0 km	2023-2025	4.878	4.800		78		400		Đường giao thông liên xã Vinh Quý - xã An Lạc (đoạn Đoòng Rằng, xã Vinh Quý - đoạn Nà Ray, Đoài Côn), huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng	Chiều dài tuyến 4,5 km	2023-2025		7.378	7.378				5.300		Điều chỉnh tên, TMĐT KH vốn 2022
2	Mương thủy lợi Keng Nhen, xóm Bó Chia, xã	Chiều dài khoảng 2,5 km	2022-2023	2.525	2.500		25		200											0		Giảm không thực hiện
3	Mương thủy lợi Bó Sẩn, Nà Lăng, Nà Ngại xóm Bản Mòng xã Thắng Lợi	Chiều dài khoảng 2,5 km	2022-2023	2.525	2.500		25		200											0		Giảm không thực hiện
4	Mương thủy lợi xóm Vinh Quý - xã Vinh Quý	Chiều dài khoảng 2,5 km	2023-2025	2.525	2.500		25		200											0		Giảm không thực hiện
5	Mương thủy lợi Khau Ly - Ram Khu; Khau Ly - Pa Đeng, xóm Nà Đăng Tình, xã Thắng Nhất	Chiều dài khoảng 3,0km	2023-2025	2.525	2.500		25		200											0		Giảm không thực hiện
6	Mương thủy lợi xóm Lũng Luồng, xóm Bó Chia,	Chiều dài khoảng 3 km	2023-2025	2.548	2.523		25		200											0		Giảm không thực hiện
7	Mương thủy lợi Nà Ngần, xã Thắng Lợi, huyện	Chiều dài tuyến khoảng 3,0	2023-2025	2.525	2.500		25		200											0		Giảm không thực hiện
c	Dự án khởi công mới																					
1	Đường giao thông liên xã An Lạc - Đoài Côn (Đoạn Nà Ray, xã An Lạc đến Bản Lung, xã Đoài	Chiều dài khoảng 1,5km	2022-2023	2.500	2.500				200											0		Giảm không thực hiện
2	Đường giao thông liên xã Cô Ngần - Bế Văn Đàn (Đoạn Bản Nưa, xã Cô Ngần đến Bản Co, xã Bế	Chiều dài khoảng 1,5 km	2022-2023	2.500	2.500				200											0		Giảm không thực hiện
3	Đường giao thông liên xã (Pác Tuộc, xã Thống Nhất - Bó Mực, xã Quang Long), huyện Hạ Lang	Chiều dài khoảng 1km	2022-2023	1.600	1.600				130											0		Giảm không thực hiện
4	Đường giao thông liên kết vùng Bó Chia - Lũng	Khoảng 1,5 km	2022-2023	2.500	2.500				200											0		Giảm không thực hiện
5	Nhà văn hóa xã Bình Dương, xã Lý Quốc		2023-2025	2.500	2.500				0											0		Giảm không thực hiện
c	Dự án khởi công mới																					
1											Đường giao thông liên xã Đức Quang - Kim Loan - Nà Chì (Xã Cao Thăng) huyện Hạ Lang, Tỉnh Cao Bằng		2023-2025		11.100	11.100				500	Không đặc thù	Bổ sung mới
2											Trạm Y tế xã Vinh Quý, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng		2023-2025		5.000	5.000				400	Không đặc thù	Bổ sung mới
VI	THÀNH PHỐ																					
a	Công trình khởi công năm 2021																					
	Không thực hiện đầu tư trong giai đoạn																					
1	Công trình đường giao thông liên xã Shiển Ngoại (Lũ Lợi) - Bản Rản (Trùng Khánh)	6km	2022-2024	9.700	9.700				5.697			3,2km		2555/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	8.900	8.900				6.697		Giảm quy mô, giảm TMĐT, tăng vốn giao năm 2022
2	Công trình đường giao thông liên xã Nà Pá (Đức	6,4km	2022-2024	9.680	9.680				4.840					2554/QĐ-UBND ngày 23/8/2022						5.840		Tăng vốn giao 2022
3	Công trình đường giao thông liên xã Nà Luồng (thị trấn Đông Khê) - Lũng Mần (Lũ Lợi)	4,5km	2022-2024	4.400	4.400				2.200					2556/QĐ-UBND ngày 23/8/2022						3.200		Tăng vốn giao 2022
4	Công trình đường giao thông liên xã Nà Sláng	5km	2022-2024	9.800	9.800				5.28					2581/QĐ-UBND ngày 25/8/2022						6.280		Tăng vốn giao 2022
5	Công trình đường giao thông liên xã Bản Sliển	4km	2022-2024	7.52	7.52				2.93					2745/QĐ-UBND ngày						3.432		Tăng vốn giao 2022
6	Công trình giao thông liên xã Pác Hico (xã Thái	3km (phố đá)	2022-2024	7.50	7.50				2.92					2521/QĐ-UBND ngày 15/8/2022						3.425		Tăng vốn giao 2022
7	Công trình đường giao thông liên xã Vân Trình	4km	2022-2024	6.40	6.40				3.20					2519/QĐ-UBND ngày 19/8/2022						5.300		Tăng vốn giao 2022
8	Công trình đường giao thông liên xã Khuất Mậu	4km	2022-2024	6.87	6.87				2.72					2591/QĐ-UBND ngày 26/8/2022						3.220		Tăng vốn giao 2022
9	Công trình đường giao thông liên xã Cần Yên (xã	7km	2022-2024	12.62	12.62				4.41					2577/QĐ-UBND ngày						7.217		Tăng vốn giao 2022
10	Xây dựng Cải tạo mặt phụ trợ trạm y tế xã Minh Khai	cấp nước, nhà vệ sinh, hàng rào	2022-2024	2.80	2.80				1.12					2730/QĐ-UBND ngày 31/8/2022						1.140		Tăng vốn giao 2022

STT	Danh mục dự án	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND, ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh: Dự kiến tổng mức đầu tư					Kế hoạch năm 2022 (NSTW)	Cơ chế thực hiện	Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung: Tên dự án	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư được duyệt						Kế hoạch năm 2022	Cơ chế thực hiện	Ghi chú
				Tổng số	NSTW	Đối ứng NSĐP: NS tỉnh	Đối ứng NSĐP: NS huyện	Huy động khác và nhân dân						Số Quyết định (ngày, tháng, năm)	Tổng số	NSTW	Đối ứng NSĐP: NS tỉnh	Đối ứng NSĐP: NS huyện	Huy động khác và nhân dân			
c	Thực hiện theo cơ chế đặc thù																					
1	Công trình giao thông đường Khua Đi - Pá Mười, xã Thụy Hùng	2,3km	2022-2023	3.200	3.200				1.200	Đặc thù										0		Giảm không thực hiện Đề nghị điều chỉnh sang danh mục thuộc Chương trình PTKT- XH vùng đồng bào
2	Công trình giao thông đường Cam Khàng - Vinh Quang, xã Trọng Con	2,5km	2022-2023	3.400	3.400				2.000	Đặc thù				2739/QĐ-UBND ngày 31/8/2022						2.500	không đặc thù	Điều chỉnh cơ chế thực hiện, tăng vốn giao năm 2022
3	Công trình giao thông đường Sộc Sao, xã Lê Lai	1,2km	2022-2023	2.100	2.100				1.200	Đặc thù										0		Giảm không thực hiện Đề nghị điều chỉnh sang danh mục thuộc Chương trình PTKT- XH vùng đồng bào
4	Công trình giao thông đường Khuổi Kẹn - Mạy Lạp, xã Thái Cường	2km	2022-2023	3.000	3.000				1.320	Đặc thù										0		Giảm không thực hiện Đề nghị điều chỉnh sang danh mục thuộc Chương trình PTKT- XH vùng đồng bào
5	Công trình giao thông đường Phiêng Chang, xã Vân Trình	2km	2022-2023	2.900	2.900				1.600	Đặc thù										0		Giảm không thực hiện Đề nghị điều chỉnh sang danh mục thuộc Chương trình PTKT- XH vùng đồng bào
6	Công trình giao thông đường Khuổi Tan - Bản Dâu, xã Kim Đồng	2km	2022-2023	2.900	2.900				1.000	Đặc thù										0		Giảm không thực hiện Đề nghị điều chỉnh sang danh mục thuộc Chương trình PTKT- XH vùng đồng bào
7	Công trình giao thông đường Pác Slẻng - Nà Mu- Nà Chìa, xã Canh Tân	2km	2022-2023	2.600	2.600				1.900	Đặc thù										0		Giảm không thực hiện Đề nghị điều chỉnh sang danh mục thuộc Chương trình PTKT- XH vùng đồng bào
8	Công trình thủy lợi mương Chộc Chẳng, xã Lê Lợi	Tưới tiêu cho khoảng 14ha	2022-2023	3.000	3.000				1.500	Đặc thù				2743/QĐ-UBND ngày 31/8/2022							không đặc thù	Điều chỉnh cơ chế thực hiện
9	Công trình thủy lợi mương Vàng Sli- Tục Ngã, xã Đức Xuân	3km	2022-2023	2.300	2.300				1.150	Đặc thù										0		Giảm không thực hiện Đề nghị điều chỉnh sang danh mục thuộc Chương trình PTKT- XH vùng đồng bào
10	Công trình thủy lợi mương Phai Cá xóm Chang Khuyen, thị trấn Đồng Khê	1,2km	2022-2023	1.100	1.100				550	Đặc thù										0		Giảm không thực hiện Đề nghị điều chỉnh sang danh mục thuộc Chương trình PTKT- XH vùng đồng bào
11	Công trình thủy lợi mương Kéo Bây Nà Bản, xã Quang Trọng	3km	2022-2023	3.000	3.000				1.200	Đặc thù										0		Giảm không thực hiện Đề nghị điều chỉnh sang danh mục thuộc Chương trình PTKT- XH vùng đồng bào
b	**Dự án khởi công mới năm 2023 (chuẩn bị đầu tư)**																					
a	**Không thực hiện theo cơ chế đặc thù**																					
1	Công trình giao thông liên xã Nà Đe (thị trấn Đồng Khê) - Nà Niềng (Lê Lợi)	3km	2022-2024	4.800	4.800				500				2023-2025	2715/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	6.800	6.800						Điều chỉnh thời gian KC-HT, TMĐT
2	Công trình đường giao thông liên xã Pò Lài (xã Trọng Con) - Nà Luông (xã Thái Cường)	3km	2023-2025	3.000	3.000				100					2594/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	6.600	6.600						Tăng TMĐT
3	Công trình đường giao thông liên xã Nà Khao (Kim Đồng) - Nà Luông (Thái Cường)	5km	2023-2025	9.760	9.760				600					2906/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	14.000	14.000						Tăng TMĐT
4	Công trình đường giao thông liên xã Chông Cá (xã Minh Khai)- Bằng Vân (huyện Ngân Sơn)	3,3km	2023-2025	5.000	5.000				500					2565/QĐ-UBND ngày 24/8/2022	14.500	14.500						Tăng TMĐT
VII	**BẢO LÂM**																					
a	**Dự án khởi công mới năm 2022**																					
1	Đường giao thông liên xã, huyện tuyến: xóm Phiêng Mường (xã Quảng Lâm, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng) - xóm Nà Húc (xã Yên Phong, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang)	GTNT loại B, dài 3km huyện	2022-2024	5.500	5.500				2.000			Đường GTNT loại B		1689/QĐ-UBND; 26/8/2022								Điều chỉnh quy mô đầu tư
2	Cứng hóa đường giao thông liên kết vùng tuyến: Tổng Ngoảng - Nà Luông - Tổng Chân, xã Quảng Lâm, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	GTNT loại B, dài 3km	2022-2024	5.000	5.000				4.000			Đường GTNT loại B		1690/QĐ-UBND; 26/8/2022	13.900	13.900				6.000		Điều chỉnh quy mô đầu tư, TMĐT, KH vốn năm 2022

STT	Theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND, ngày 15/07/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh										Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung											
	Danh mục dự án	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư		Đối ứng NSĐP		Huy động khác và nhân dân	Kế hoạch năm 2022 (NSTW)	Cơ chế thực hiện	Tên dự án	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư được duyệt					Kế hoạch năm 2022	Cơ chế thực hiện	Ghi chú
				Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NS huyện							Số Quyết định (ngày, tháng, năm)	Tổng số	NSTW	Đối ứng NSĐP: NS tỉnh	Đối ứng NSĐP: NS huyện	Huy động khác và nhân dân			
3	Đường giao thông liên xã, huyện tuyến: Nậm Trò-Nhèu Dề (xã Thới Sơn, huyện Bảo Lâm) - xóm Khẩu Hó (xã Sơn Lập, huyện Bảo Lạc), tỉnh Cao Bằng	GTNT loại B, dài 5km	2022-2024	9.000	9.000				3.000										0		Giảm không thực hiện
4	Mở mới, củng cố Đường giao thông liên xã, tuyến tuyến: Xóm Nậm Trà - Khuổi Dùn (xã Thới Sơn, huyện Bảo Lâm) - xóm Ông Thảo (xã Sơn Lập, huyện Bảo Lạc), tỉnh Cao Bằng	GTNT loại B, dài 13km	2022-2024	28.098	26.098		2.000		6.683			Đường GTNT loại B		1692/QĐ-UBND, 26/8/2022	28.098	28.098						Điều chỉnh quy mô đầu tư, cơ cấu TMĐT
5	Cứng hóa đường giao thông liên vùng tuyến: Nà Pầng - Phiêng Pèn - Lũng Lèn, xã Lý Bôn, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	GTNT loại B, dài 5km	2022-2024	9.000	9.000				6.000			Đường GTNT loại B		1693/QĐ-UBND; 26/8/2022								Điều chỉnh quy mô đầu tư
6	Cứng hóa đường GTNT liên vùng tuyến: Xóm Thẻo - xóm Phiêng Pèn - xóm Phiêng Lòng - xóm Phiêng Đim, xã Lý Bôn, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	GTNT loại B, 3km	2022-2024	5.000	5.000				4.000			Đường GTNT loại B		1694/QĐ-UBND; 26/8/2022								Điều chỉnh quy mô đầu tư
7	Đường giao thông liên xã tuyến: xóm Nà Tăng (thị trấn Pác Miầu) - xóm Bản Mò (xã Mông Ân), huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	GTNT loại B, 3km	2022-2024	5.000	5.000				1.600			Đường GTNT loại B		1700/QĐ-UBND; 26/8/2022								Điều chỉnh quy mô đầu tư
8	Đường giao thông liên xã, huyện tuyến: Xóm Bản Cun - Nà Mon (xã Nam Cao, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng) - xã Ngọc Long (huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang)	GTNT loại B, dài 10 km	2022-2024	21.000	21.000				2.000			Đường GTNT loại B		1726/QĐ-UBND; 26/8/2022	24.500	24.500				4.000		Điều chỉnh quy mô đầu tư, TMĐT, KH vốn năm 2022
9	Cứng hóa đường GTNT liên xã, vùng tuyến: Chợ Bản Luầy - xóm Khau Răng - xóm Phiêng Rông - xóm Cốc Páp (xã Thạch Lâm) - xóm Nà Nhuồm (xã Nam Cao) huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	GTNT loại B, dài 7 km	2022-2024	14.000	13.000			1.000	3.000			Đường GTNT loại B		1729/QĐ-UBND; 26/8/2022	14.000	14.000				4.000		Điều chỉnh quy mô đầu tư, cơ cấu TMĐT, KH vốn năm 2022
10	Đường GTNT liên huyện, xã tuyến: Bản Bủng (xã Yên Thổ, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng) - Xã Công Bằng (huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn)	Đường GTNT loại B	2022-2024	6.000	6.000				3.000					1730/QĐ-UBND; 29/8/2022	13.200	13.200				5.700		Điều chỉnh quy mô đầu tư, TMĐT, KH vốn năm 2022
11	Mở mới, củng cố đường liên xã huyện: Trung tâm xã Vĩnh Quang - xóm Nà Phiác - xóm Bản Biền - Trung tâm xã Vĩnh Phong, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	GTNT loại B, 6,5km	2022-2024	13.737	13.737				4.000			Đường GTNT loại B		1732/QĐ-UBND; 29/8/2022								Điều chỉnh quy mô đầu tư
12	Cứng hóa đường giao thông liên xã, huyện tuyến: Trung tâm UBND xã Vĩnh Phong - xóm Ên Ngoại, Ên Nội (xã Vĩnh phong, H Bảo Lâm) - xóm Phiêng Buống (xã Hưng Thịnh, H. Bảo Lạc) tỉnh Cao Bằng	GTNT cấp D, Bnền=3m*16cm, dài 5,5km	2022-2024	11.000	10.000			1.000	4.000			Đường GTNT loại B		1733/QĐ-UBND; 29/8/2022	11.000	11.000						Điều chỉnh quy mô đầu tư, cơ cấu TMĐT
13	Trường THCS thị trấn Pác Miầu, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	Xây dựng Nhà đa năng và [illegible]	2022-2024	3.300	3.000		300		1.000					1735/QĐ-UBND; 29/8/2022	4.100	4.100						Điều chỉnh TMĐT
14	Nhà Văn hóa và sân vận động trung tâm xã Nam Quang, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	Nhà văn hoá 01 tầng, 400 m2. Sân vận động 3500 m2	2022-2024	6.000	6.000				1.000										0		Giảm không thực hiện
a	Dự kiến cấp tỉnh thực hiện theo cơ chế đặc thù			4.200	4.200																
1	Nhà Văn hóa trung tâm xã Quảng Lâm, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	01 tầng, 400 m2. Phục vụ các hội nghị, hoạt động chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội	2022-2024	2.000	2.000				1.000										0		Giảm không thực hiện
2	Mương thủy lợi Khuổi Trang, Bản Mò, xã Mông Ân, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	Đập + kênh mương dài 1.2km	2022-2024	1.200	1.200				1.200										0		Giảm không thực hiện
3	Kênh mương Bó Ái, xóm Nà Hu, xã Đức Hạnh, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	Xây mương bê tông dài 01 km	2022-2024	1.000	1.000				1.000										0		Giảm không thực hiện
b	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021																				
1	Cấp điện lưới Quốc gia xóm Nà Kéo, xã Yên Thổ, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	Đường dây trung thế 35KW; trạm biến áp; đường dây Hạ thế 220 V	2021-2025	2.900	2.900,000				500		Cấp điện lưới quốc gia các xóm Nà Kéo, Lũng Liền, Bản Bủng xã Yên Thổ huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	Đường dây trung thế 35KW; trạm biến áp; đường dây Hạ thế 220V	2023-2025		12.200	12.200			1.100		Điều chỉnh TMĐT, Kế hoạch vốn năm 2022
2	Cấp điện lưới Quốc gia xóm Lũng Liền, xã Yên Thổ, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	Đường dây trung thế 35KW; trạm biến áp; đường dây Hạ thế	2023-2025	6.000	6.000,000				500										0		Giảm không thực hiện
3	Cấp điện lưới Quốc gia Khuổi Hang, Khuổi Lòa, xóm Bản Bủng, xã Yên Thổ, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	Đường dây trung thế 35KW; trạm biến áp; đường dây Hạ thế	2023-2025	3.300	3.300,000				300										0		Giảm không thực hiện
4	Trạm y tế xã Vĩnh Quang, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	Cấp 3, 01 tầng, tổng diện tích xây dựng 380 m2 và [illegible]	2022-2025	5.500	5.500,000				500										0		Giảm không thực hiện